

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tài liệu hướng dẫn Công tác xã hội
trong phòng ngừa lao động trẻ em thông qua trường học**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Tài liệu công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em thông qua trường học ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu hướng dẫn công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em thông qua trường học kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tài liệu hướng dẫn công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em thông qua trường học được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong triển khai công tác xã hội trường học tại các cơ sở giáo dục.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Am*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, GDCTHSSV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Ngô Thị Minh



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING



**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG NGỪA
LAO ĐỘNG TRẺ EM
THÔNG QUA TRƯỜNG HỌC**

Hà Nội, tháng 12 năm 2022



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG NGỪA
LAO ĐỘNG TRẺ EM
THÔNG QUA TRƯỜNG HỌC

Nhóm tác giả:

TS. Hà Thị Thư

PGS.TS Đỗ Thị Vân Anh

TS. Nguyễn Thị Bích Thủy

Hà Nội, tháng 12 năm 2022

LỜI MỞ ĐẦU

Công cuộc đổi mới đất nước đã mang lại những thay đổi về phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều mô hình kinh tế doanh nghiệp, tư nhân, hộ gia đình ra đời đã kéo theo tình trạng sử dụng lao động trẻ em trở nên phổ biến và điều này còn đặc biệt nghiêm trọng khi mà chính gia đình cũng vô tình, hữu tình biến con em mình trở thành trẻ lao động sớm và cổ súy cho vấn đề lao động sớm. Điều đó không những vi phạm pháp luật mà còn để lại nhiều hậu quả cho đời sống thể chất, tinh thần, trí tuệ và phát triển nhân cách của trẻ em. Việc phòng ngừa và can thiệp đối với trẻ em lao động sớm cần sự tham gia phối hợp các ngành, các cấp đặc biệt là vai trò của nhà trường đối với vấn đề này là rất quan trọng.

Trên thực tế, vấn đề giáo dục phòng ngừa lao động trẻ em chưa thực sự được tuyên truyền rộng rãi trong gia đình – nhà trường – xã hội nên hầu như các gia đình không nhận thức được sự nguy hại của trẻ em lao động sớm. Nhận thấy điều này, Bộ Giáo dục đào tạo và tổ chức UNICEF đã tổ chức triển khai cuốn tài liệu hướng dẫn về **Tài liệu hướng dẫn Công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em thông qua trường học** để tăng cường chức năng, vai trò, bổn phận và trách nhiệm của Cán bộ giáo viên (CBGV) trong hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em và can thiệp hỗ trợ cho trẻ em lao động sớm.

Tài liệu hướng dẫn được sử dụng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường Phổ thông (Phổ thông trung học và Phổ thông cơ sở), cho cha mẹ học sinh khi việc thực hiện phòng ngừa lao động trẻ em trong các trường phổ thông. Tài liệu gồm 4 nội dung chính

Nội dung 1: Khái quát chung về lao động trẻ em

Nội dung 2: Vai trò của trường học trong phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em

Nội dung 3: Công tác hỗ trợ can thiệp với lao động trẻ em trong trường học

Nội dung 4: Thông tin tóm lược về luật pháp và hệ thống dịch vụ công tác xã hội tại Việt Nam

Trân trọng, cảm ơn Tổ chức UNICEF tại Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ nguồn lực để Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện biên soạn Tài liệu hướng dẫn này. Đồng thời, trân trọng các chuyên gia đến từ Học viện Khoa học xã hội, Đại học Công Đoàn đã tham gia biên soạn tài liệu hướng dẫn. Cảm ơn các chuyên gia, các nhà chuyên môn đã có ý kiến đóng góp quý báu để nhóm tác giả hoàn thiện Tài liệu này.

Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên

Bộ Giáo dục và Đào tạo

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Viết đầy đủ
LĐTE	Lao động trẻ em
CBGV	Cán bộ giáo viên

MỤC LỤC

NỘI DUNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM	5
1.1. Khái niệm lao động trẻ em và tiêu chí xác định lao động trẻ em	5
1.1.1. Các khái niệm	5
1.1.2. Tiêu chí xác định lao động trẻ em	7
1.2. Tác động của lao động trẻ em đến trẻ em	9
1.2.1. Tác động của lao động trẻ em đến thể chất của trẻ em.....	9
1.2.2. Tác động của lao động trẻ em đến tâm lý của trẻ em.....	9
1.2.3. Tác động của lao động trẻ em đến học tập của trẻ em	9
1.2.4. Tác động của lao động trẻ em đến mối quan hệ xã hội của trẻ em.....	10
1.3. Pháp luật quốc tế và quốc gia về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.....	10
1.3.1. Pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.....	10
1.3.2. Pháp luật quốc gia về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.....	13
NỘI DUNG 2 VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG HỌC TRONG PHÒNG NGỪA, GIẢM THIẾU LAO ĐỘNG TRẺ EM.....	17
2.1. Vai trò của một số chủ thể trường học trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	17
2.1.1. Vai trò của Ban giám hiệu Nhà trường	17
2.1.2. Vai trò giáo dục của Giáo viên chủ nhiệm	18
2.1.3. Vai trò của Giáo viên bộ môn thông qua hoạt động dạy học	25
2.1.4. Vai trò của Gia đình và phụ huynh học sinh	32
2.2. Một số hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em	33
2.2.1. Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em	33
2.2.2. Hoạt động tư vấn, tham vấn tâm lý phòng ngừa lao động trẻ em cho gia đình và trẻ em lao động sớm	37
2.2.3. Hoạt động phát triển kỹ năng cho trẻ em có nguy cơ lao động sớm và trẻ em lao động sớm quay trở lại trường học.....	41
NỘI DUNG 3 CÔNG TÁC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG TRƯỜNG HỌC	43
3.1. Vai trò của Nhà trường trong hỗ trợ can thiệp đối với trường hợp lao động trẻ em ..	43
3.2. Quy trình công tác xã hội trong hỗ trợ can thiệp đối với trẻ em lao động sớm	43
3.2.1. Bước 1. Tiếp nhận thông báo và đánh giá ban đầu	44
3.2.2. Bước 2. Thu thập thông tin và đánh giá mức độ tổn hại và nhu cầu của cho trường hợp lao động trẻ em.....	48

3.2.3. Bước 3. Lập kế hoạch hỗ trợ cho trường hợp lao động trẻ em	55
3.2.4. Bước 4. Phê duyệt và thực hiện kế hoạch hỗ trợ cho trường hợp lao động trẻ em .	60
3.2.5. Bước 5. Rà soát, đánh giá sau khi hỗ trợ cho trường hợp lao động trẻ em	60
NỘI DUNG 4: THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ PHÁP LUẬT VÀ HỆ THỐNG DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	62
4.1. Danh mục công việc nhẹ theo pháp luật Việt Nam	62
4.2. Danh mục các công việc và những nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam.....	64
4.3. Các hình thức xử lý vi phạm về sử dụng lao động trẻ em theo pháp luật Việt Nam.....	72
4.4. Danh sách các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội trên toàn quốc	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

NỘI DUNG 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LAO ĐỘNG TRẺ EM

1.1. Khái niệm lao động trẻ em và tiêu chí xác định lao động trẻ em

1.1.1. Các khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm trẻ em

Trong luật pháp quốc tế, trẻ em được định nghĩa là những người dưới 18 tuổi. Các quy định cụ thể như sau:

- Trẻ em là những người dưới 18 tuổi, trừ khi pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn (Điều 1, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, 1989).
- Trong Công ước này, thuật ngữ “trẻ em” sẽ áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi (Điều 2, Công ước số 182 của ILO về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999).

Pháp luật Việt Nam quy định: Trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1, Luật Trẻ em, 2016). Như vậy theo luật pháp Việt Nam, độ tuổi được coi là trẻ em thấp hơn so với quy định của luật pháp quốc tế.

Có thể hiểu rằng, trẻ em là những người dưới 16 tuổi, chưa phát triển hoàn thiện về tâm - sinh lí và trưởng thành về mặt xã hội.

1.1.1.2. Khái niệm lao động trẻ em

Theo pháp luật quốc tế, Công ước 182 của ILO cho rằng: lao động trẻ em (LĐTE) là thuật ngữ để chỉ tình trạng một người dưới 18 tuổi phải làm các công việc mà công việc đó làm mất đi tuổi thơ của trẻ, tiềm năng của trẻ và phẩm giá của trẻ, và điều đó có hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Đó là những công việc gây ra: (i) nguy hiểm về tinh thần, thể chất, xã hội hoặc đạo đức và có hại cho trẻ em; (ii) can thiệp vào việc học của trẻ bằng cách tước đi cơ hội đến trường; (iii) bắt buộc trẻ phải nghỉ học sớm; hoặc yêu cầu trẻ cố gắng kết hợp việc đi học với công việc quá dài và nặng nề.

Theo pháp luật Việt Nam, cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa chính thức về “lao động trẻ em”, tuy nhiên trong các văn bản pháp luật hiện hành cũng có nhiều quy định có liên quan đến LĐTE như: định nghĩa về bóc lột trẻ em, quy định về quyền trẻ em được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động (Điều 4 và Điều 26 Luật trẻ em, 2016), những quy định về việc sử dụng lao động chưa thành niên (Mục 1, Chương XI, Bộ Luật lao động 2019). Tuy nhiên, vẫn chưa có sự thống nhất khi đề cập đến nhóm trẻ này giữa những văn bản luật.

Tài liệu này, thuật ngữ LĐTE được lấy từ tài liệu điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2018 tại Việt Nam như sau: “*Lao động trẻ em là trẻ em tham gia lao động trái quy định của pháp luật mà hoạt động lao động cản trở hoặc có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ*”.

Ví dụ, học sinh NTK là một nữ học sinh 13 tuổi, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, em phải phụ mẹ bán hàng ngoài chợ 5,6 giờ/ngày vào các buổi chiều tối. Vì vậy, em phải bỏ các buổi học chiều, chiếm khoảng 50% tổng thời gian học ở trường. Trong trường hợp này, NTK được coi là một LĐTE vì việc tham gia lao động của em là trái với những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Cụ thể, theo bộ Luật lao động (2019) và Thông tư số 09/2020/TT-BLĐTBXH trẻ em dưới 15 tuổi tham gia lao động không được vượt quá 4 giờ/ngày. Mặt khác, việc phụ mẹ bán hàng đã gây ảnh hưởng đến việc học tập của NTK khi em phải nghỉ các buổi học chiều tại trường.

Thực tế, không phải tất cả các trường hợp trẻ em tham gia làm việc đều là lao động trẻ em. Với những công việc phù hợp, tính chất công việc nhẹ nhàng, số giờ làm việc đúng quy định pháp luật về độ tuổi và không gây ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của trẻ, không cản trở đến việc học tập, vui chơi của các em thì không phải là lao động trẻ em. Có thể phân biệt lao động trẻ em và trẻ em làm việc trong gia đình qua một số trường hợp (ví dụ) sau:

Ví dụ về trường hợp Trẻ em làm việc trong gia đình	Tương ứng với chỉ báo Lao động trẻ em
- Nấu cơm, quét nhà, rửa bát, trông em...	- Trẻ giúp việc trong gia đình nhưng quá thời gian cho phép (quá 4 giờ/ngày) và ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi... của trẻ
- Phụ làm hàng, bán hàng... cho gia đình (phải thuộc danh mục hàng hoá cho phép sử dụng lao động dưới 15 tuổi)	- Phụ làm hàng, bán hàng quá thời gian theo quy định hoặc trong danh mục hàng hoá cấm sử dụng lao động dưới 15 tuổi - Trẻ phụ việc trong quán bar, karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở giết mổ... của gia đình
- Làm cỏ vườn rau sạch, thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa vụ,...	- Làm cỏ vườn rau sạch, thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa vụ nhưng thời gian làm việc là quá 4 giờ/ngày và ảnh hưởng tới việc học tập, vui chơi... của trẻ

1.1.1.3. Một số khái niệm khác

* *Học sinh là lao động trẻ em*

Hiến pháp Việt Nam nghiêm cấm việc tuyển dụng lao động trẻ em dưới độ tuổi tối thiểu (mà Theo Bộ luật Lao động Việt Nam 2019 thì độ tuổi tối thiểu là 13 tuổi). Vậy trẻ

em từ đủ 13 trở lên đến dưới 15 tuổi (làm việc tối đa 4 giờ/ngày) và trẻ đủ từ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi (làm việc tối đa 8 giờ/ngày) thì có thể làm gia làm việc tại các nhóm công việc, nơi làm việc và thời gian làm việc theo quy định Bộ Luật lao động 2019 và Thông tư 09/2020 của Bộ Lao động- Thương Binh và Xã hội. Vậy khái niệm *học sinh là lao động trẻ em có thể hiểu là trẻ em có độ tuổi từ đủ 13 tuổi trở lên tham gia lao động mà quá trình tham gia hoạt động này gây tổn thương, hoặc cản trở sự phát triển thể chất, tinh thần, trí tuệ và phát triển nhân cách toàn diện của trẻ.*

** Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em*

Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em được hiểu là việc thực hiện các biện pháp, các hoạt động của chính quyền các cấp tới cộng đồng xã hội, nhà trường, gia đình, trẻ em nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức lạm dụng, bóc lột lao động, lao động trái quy định của pháp luật, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em tham gia vào các công việc gây ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ em.

** Công tác xã hội đối với lao động trẻ em thông qua trường học*

Công tác xã hội là một hoạt động chuyên nghiệp thúc đẩy sự thay đổi xã hội, hỗ trợ giải quyết các rào cản, khó khăn của con người để họ vươn lên nghịch cảnh, cải thiện **cuộc sống**, hòa nhập xã hội theo hướng tích cực. Trên cơ sở kiến thức về công tác xã hội thì Công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em thông qua trường học là hoạt động hướng tới việc phòng ngừa, hỗ trợ giải quyết vấn đề cho học sinh là lao động trẻ em để trẻ có đầy đủ điều kiện tốt nhất nhằm phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và sự phát triển toàn diện.

Một số hoạt động Công tác xã hội với lao động trẻ em có thể được nhắc tới như:

- Tuyên truyền giáo dục kiến thức về phòng ngừa lao động trẻ em
- Hướng dẫn các kỹ năng bảo vệ bản thân đối với trẻ em lao động sớm
- Tư vấn, Tham vấn tâm lý cho trẻ em, gia đình trẻ em, doanh nghiệp cá nhân sử dụng lao động là trẻ em
- Kết nối/ chuyên gửi trẻ em đến nơi lao động an toàn, đúng quy định của pháp luật
- Biện hộ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của trẻ,...

1.1.2. Tiêu chí xác định lao động trẻ em

Căn cứ trên những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về việc trẻ em hoặc người chưa thành niên tham gia lao động, thì tiêu chí xác định lao động trẻ em gồm 3 tiêu chí cơ bản (Bộ Luật lao động 2019 và Thông tư số 09/2020/TT-LĐTBXH (12/11/2020)

Theo đó, trẻ em hoặc người chưa thành niên được xác định là LĐTE nếu tham gia lao động trái với các quy định sau đây:

(1) Độ tuổi và thời giờ làm việc tương ứng với độ tuổi

(2) Loại hình và tính chất công việc ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em

(3) Địa điểm và điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

Thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi

- Không được quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần; không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.
- Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian làm việc của người đủ từ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

- Không được quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần.
- Chỉ làm việc thêm giờ, ban đêm một số ngành nghề theo Quy định của Pháp Luật (chi tiết xem tại Mục 4.1. Phần 4. Phụ lục) và cấm tham gia vào công việc và nơi làm việc có tính chất nguy hiểm độc hại (chi tiết xem tại Mục 4.2. Phần 4. Phụ lục).

LƯU Ý:

- Trẻ em theo pháp luật quốc tế là người DƯỚI 18 tuổi. Còn theo luật pháp Việt Nam, trẻ em là người DƯỚI 16 tuổi. Các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam thì áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Lao động trẻ em là trẻ em tham gia lao động trái quy định của pháp luật mà hoạt động lao động cản trở hoặc có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ.
- Có 3 tiêu chí để nhận diện lao động trẻ em bao gồm:
 - (1) Độ tuổi và thời giờ làm việc tương ứng với độ tuổi
 - (2) Loại hình và tính chất công việc ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em
 - (3) Địa điểm và điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1.2. Tác động của lao động trẻ em đến trẻ em

1.2.1. Tác động của lao động trẻ em đến thể chất của trẻ em

Thể chất của trẻ em đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ nên thể chất còn non nớt, sức bền và sự dẻo dai còn hạn chế chính vì vậy trẻ em dễ bị tổn thương và gặp nhiều rủi ro về thể chất hơn người lớn khi làm việc. Ví dụ, trẻ em lao động có thể bị tai nạn dẫn tới bị thương, bị khuyết tật, thậm chí bị tử vong. Trẻ em làm việc trong những điều kiện lao động không bảo đảm (ánh sáng yếu, ô nhiễm môi trường, khí độc, chật hẹp,...) có thể phải đối mặt với những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng về lâu dài.

Thực tế cho thấy, trẻ em lao động sớm gặp nhiều vấn đề/rủi ro mà tai nạn lao động gây ra như là: các vết thương ngoài da, vết thương hở, trật khớp, bong gân, bầm tím; các bệnh về đường hô hấp, da, mắt... và trẻ em càng nhỏ tuổi mà phải tham gia vào lao động sớm trong điều kiện không đáp ứng về quy định thời gian, điều kiện, môi trường lao động.. thì gặp nhiều rủi ro về sức khỏe hơn so với trẻ em lớn tuổi.

1.2.2. Tác động của lao động trẻ em đến tâm lý của trẻ em

Việc tham gia lao động sớm, làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, mà còn tác động đến sức khỏe tâm lý của các em. Sự hạn chế trong nhận thức; kinh nghiệm sống; sự giới hạn chịu đựng; khả năng giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong lao động còn chưa có...nên khi trẻ gặp phải những tình huống **có vấn đề như: bị đối xử bất công, bị phân biệt đối xử, bị xúc phạm, bị bóc lột,...** sẽ không biết cách giải quyết, giải tỏa **cảm xúc tiêu cực**... và từ đó sẽ để lại những tổn thương nặng nề về mặt tinh thần, tâm lý của các em.

Trẻ em bị làm việc trong điều kiện bị đối xử ngược đãi, bóc lột sức lao động, bất công sẽ gây hậu quả tâm lý nghiêm trọng như: chậm phát triển về trí tuệ, thiếu tự tin, khó hòa nhập xã hội; gặp khó khăn trong việc tạo lập các mối quan hệ, suy giảm lòng tự tôn; có thái độ bạo lực hoặc tâm trạng trầm cảm, lo lắng, thậm chí có ý định tự hủy hoại bản thân, tâm lý hằn thù... những tác động đó để lại những di chứng gây ám ảnh kéo dài cho trẻ. Đặc biệt, trong những trường hợp trẻ bị lạm dụng về tình dục, bị bóc lột tình dục vì mục đích thương mại, bị buôn bán người,... thì tác động không chỉ tiêu cực đến đời sống tinh thần, tâm lý của trẻ mà còn ảnh hưởng nặng nề đến sự hình thành nhân cách lành mạnh của trẻ, điều này dễ khiến trẻ sa đà vào các tệ nạn xã hội, nảy sinh tư tưởng bất cần, chống đối xã hội hoặc vi phạm pháp luật trong quá trình trưởng thành và thích ứng xã hội.

1.2.3. Tác động của lao động trẻ em đến học tập của trẻ em

Quyền được học tập, được đến trường là một trong những quyền cơ bản của trẻ em được quy định trong Luật trẻ em (2016). Theo đó, mọi trẻ em, không phân biệt điều kiện

và hoàn cảnh đều được bình đẳng về cơ hội học tập, vui chơi và phát triển bản thân. LĐTE có tác động tiêu cực đến việc đảm bảo quyền được giáo dục và quyền được vui chơi, giải trí của trẻ em. Việc tham gia lao động nặng nhọc, nguy hiểm hoặc thời gian làm việc nhiều khiến kết quả học tập của các em bị giảm sút nghiêm trọng, kỹ năng học tập yếu, bị thụt lùi so với bạn bè, bị bỏ mặc hoặc gặp khó khăn khi hòa nhập với bạn học, trẻ không thể tập trung học trên lớp do quá mệt mỏi, thậm chí là phải bỏ học...

Việc bỏ học sớm hoặc chưa từng đi học của LĐTE có ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực của đất nước trong tương lai khi không thể cạnh tranh được với nguồn lao động của các quốc gia, khu vực khác trong bối cảnh toàn cầu hoá diễn ra toàn diện và sâu sắc. Nguồn lao động nước ta đông đảo nhưng thiếu kỹ năng và yếu về chất lượng nên giá nhân công thấp, năng suất lao động không cao.

1.2.4. Tác động của lao động trẻ em đến môi quan hệ xã hội của trẻ em

Chúng ta không thể phủ nhận lao động và tham gia lao động có vai trò rất lớn trong giáo dục và hình thành hoài bão, ước mơ, đức tính chăm chỉ cần cù.. ở trẻ em. Tuy nhiên, khi trẻ em phải **tham gia lao động trái với các quy định của pháp luật như thời gian làm việc quá dài, môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm... sẽ gây nên tâm lý mặc cảm tự ti, tự cô lập mình, tự xa lánh... và từ đó làm giảm khả năng giao tiếp xã hội, khả năng xây dựng các mối quan hệ xã hội và khả năng duy trì các mối quan hệ xã hội của trẻ. Trong nhiều trường hợp, LĐTE kéo dài sẽ làm giảm mức độ tiếp cận thông tin, thời gian vui chơi, giải trí hay tham gia các hoạt động xã hội của trẻ. Và, nếu trẻ em bị/buộc phải nghỉ học sớm thì mối quan hệ xã hội của trẻ với thầy cô, bạn bè cùng trang lứa cũng bị gián đoạn, lỏng lẻo hoặc kết thúc.**

Bên cạnh đó, khi trẻ em bị rơi vào trường hợp là LĐTE kéo dài thì nhu cầu về giao tiếp xã hội của trẻ bị thu hẹp lại, giới hạn giao tiếp của trẻ chỉ trong môi trường lao động nơi trẻ làm việc. Thậm chí không ít trường hợp, việc kết giao với những người lớn tuổi hơn làm ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển nhận thức, hành vi của trẻ. Trẻ có thể bị lôi kéo vào những tệ nạn xã hội từ sớm, mất đi định hướng tốt đẹp về tương lai, từ đó có thể dẫn đến nhiều hệ lụy như quan hệ tình dục sớm, có thai ngoài ý muốn, bị xâm hại tình dục,... và càng trở nên khó khăn trong việc bảo vệ chính mình và thích ứng xã hội.

1.3. Pháp luật quốc tế và quốc gia về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

1.3.1. Pháp luật quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Từ khi thành lập (năm 1919), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã thông qua nhiều công ước đề cập đến việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, trong đó có hai công ước quan trọng nhất và hiện đang có hiệu lực áp dụng là Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu (kèm theo là Khuyến nghị số 146) và Công ước số 182 về xoá bỏ mọi hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (kèm theo là Khuyến nghị số 190). Hai Công ước này

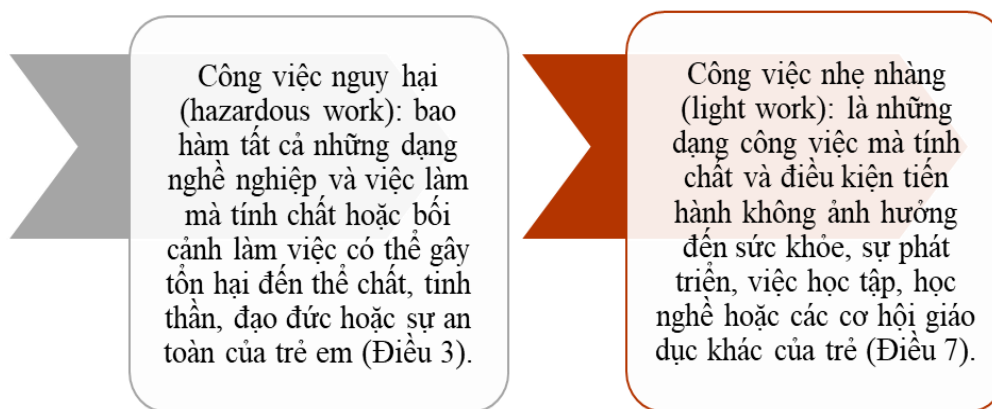
nằm trong danh mục 8 điều ước cơ bản của ILO¹.

a) Công ước số 138 của ILO

Nội dung chủ yếu được đề cập trong Công ước 138 của ILO là quy định về độ tuổi lao động tối thiểu áp dụng chung cho mọi quốc gia và những trường hợp ngoại lệ, cụ thể:

Tuổi tối thiểu	Áp dụng chung cho mọi quốc gia	Trường hợp ngoại lệ
Tuổi tối thiểu chung (Điều 2)	Không được dưới 15 tuổi	Không được dưới 14 tuổi
Tuổi tối thiểu áp dụng với những công việc nguy hại (Điều 3)	Không được dưới 18 tuổi	Không được dưới 16 tuổi (Nhưng phải đảm bảo được an toàn và phẩm hạnh của trẻ)
Tuổi tối thiểu áp dụng với những công việc nhẹ nhàng (Điều 7)	Từ 13 – 15 tuổi	Từ 12 – 14 tuổi (tại các nước đang phát triển)

Công ước 138 cũng giải thích cách hiểu về công việc nguy hại và công việc nhẹ nhàng. Theo đó:



Theo Khuyến nghị số 44 của ILO về tuổi tối thiểu, công việc nhẹ nhàng bao gồm các công việc vật (đưa thư, giao báo, mua thuốc lá, nhật bóng, giữ đồ dùng, quần áo, lựa chọn hoặc bán hoa, hoa quả,...). Về thời gian, những công việc nhẹ nhàng của trẻ em không được quá 2h/ngày (cả ngày đi học và ngày nghỉ).

¹ Nguồn: <http://www.ilo.org/global/standards/introduction-to-international-labour-standards/conventions-and-recommendations/lang--en/index.htm>

Công ước 138 áp dụng với mọi khu vực kinh tế và mọi dạng nghề nghiệp, việc làm, bất kể đó là công việc có hợp đồng hoặc không có hợp đồng, công việc làm công ăn lương hoặc tự quản lý, công việc có được hoặc không được trả công, công việc trong hoặc ngoài môi trường gia đình. Tuy nhiên, Công ước không áp dụng với các dạng công việc: (1) Công việc do trẻ em hoặc người chưa thành niên thực hiện trong các trường phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, kỹ thuật hoặc trong các cơ sở đào tạo khác; (2) Công việc do những người từ đủ 14 tuổi trở lên thực hiện trong các cơ sở kinh doanh, nếu được thực hiện theo đúng những điều kiện mà nhà chức trách có thẩm quyền quy định sau khi tham khảo ý kiến với các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có liên quan (ví dụ các chương trình về hướng nghiệp, đào tạo nghề).

b) Công ước 182 của ILO

Công ước 182 được ILO thông qua vào năm 1999 nhằm thúc đẩy các quốc gia hành động ngay lập tức để xoá bỏ các hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Điều 1 Công ước xác định những hình thức LĐTE tồi tệ nhất bao gồm 4 nhóm:



Công ước 182 quy định các hình thức LĐTE tồi tệ nhất trong Nhóm 4 sẽ do các quốc gia thành viên xác định trên cơ sở tham chiếu với Khuyến nghị số 190 của ILO.

Theo đoạn 3 Khuyến nghị này, việc xác định những công việc mà tính chất và hoàn cảnh làm việc có thể xâm hại đến sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em cần dựa trên các yếu tố sau:

(i) Những công việc khiến trẻ em lâm vào tình trạng dễ bị lạm dụng về thể chất, tâm lý hoặc tình dục.

(ii) Những công việc dưới mặt đất, dưới nước, ở độ cao nguy hiểm hoặc trong không gian tù hãm.

(iii) Những công việc sử dụng các loại máy móc, thiết bị hoạt động cụ nguy hiểm hoặc liên quan đến điều khiển thủ công hoặc vận chuyển hàng hoá nặng.

(iv) Những công việc trong môi trường có hại cho sức khỏe, ví dụ như trẻ em phải tiếp xúc trực tiếp với các chất, hoá chất và các quy trình độc hại hoặc nhiệt độ, các mức độ tiếng ồn hoặc độ rung ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em.

(v) Những công việc trong những điều kiện đặc biệt khó khăn như làm việc nhiều giờ liền, làm việc ban đêm hoặc công việc khiến trẻ em bị giam hãm một cách vô lý trong các nhà xưởng của người sử dụng lao động.

Công ước 182 bổ trợ cho Công ước số 138, bằng cách xác định những ưu tiên hành động trong phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE, cụ thể là tập trung xoá bỏ những hình thức LĐTE tồi tệ nhất. Hai Công ước kết hợp với nhau trong một mục đích chung là giải quyết vấn đề LĐTE, vì vậy việc tham gia Công ước 182 không đòi hỏi phải sửa đổi, thay thế hoặc gây bất kỳ ảnh hưởng gì đến việc phê chuẩn hoặc thực hiện Công ước 138.

1.3.2. Pháp luật quốc gia về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và thứ hai trên Thế giới phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em vào ngày 20/2/1990. Đối với vấn đề LĐTE, Việt Nam đã tham gia phê chuẩn tất cả các điều ước của ILO và Liên hợp quốc có liên quan. Một số văn bản cụ thể như sau:

a) Hiến pháp Việt Nam 2013

Những nội dung trong Hiến pháp 2013 có liên quan đến phòng ngừa, giảm thiểu

LĐTE được thể hiện trong Điều 35, Điều 37. Cụ thể:

- Điều 35 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu”*.

- Điều 37 Hiến pháp 2013 quy định: *“Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”*.

b) Bộ luật Lao động 2019

Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 được Quốc hội khoá XIV thông qua ngày 20/11/2019 với 17 chương và 220 điều đã có nhiều bổ sung lớn, quan trọng đáp ứng với những yêu cầu mới trong việc quản lý thị trường lao động, quan hệ lao động và phù hợp với bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng. Đặc biệt trong đó có dành riêng Mục 1 - chương XI (từ Điều 143 đến Điều 147) để nêu lên những quy định riêng đối với lao động chưa thành niên để quy định rõ về độ tuổi được làm việc, nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên, loại hình công việc và nơi làm việc được phép. Những quy định này góp phần giúp nâng cao hiệu quả quản lý lao động và đặc biệt là nhằm phòng ngừa tình trạng LĐTE ở nước ta.

c) Luật Trẻ em 2016

Luật Trẻ em 2016, tại Điều 1, quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi. Điều 26 xác định rõ về quyền được bảo vệ của trẻ em, cụ thể là: *“Trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em”*. Điều 6, cũng đã thể hiện nội dung nghiêm cấm một loạt hành vi trong đó có những hành vi gắn liền với vấn đề LĐTE bao gồm: bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em; Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em; Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn; Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật,...; Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình; Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền; Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi; Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm,...

Luật Trẻ em cũng quy định 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trong đó có bổ sung các nhóm mới như: Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực; trẻ em bị bóc lột; trẻ em bị mua bán; trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc. Đây là những nhóm trẻ em thuộc về hoặc có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh lao động trẻ em. Luật cũng quy định 25 nhóm quyền của trẻ em, trong đó có những quyền có tác dụng trực tiếp với việc bảo vệ trẻ em khỏi bị rơi vào hoàn cảnh lao động trẻ em như quyền được sống chung với cha, mẹ; quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, không bị bóc lột sức lao động, không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc, không bị mua, bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; quyền được đảm bảo an sinh xã hội; quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn,... Đặc biệt, Luật Trẻ em 2016 quy định cụ thể các nội dung về các cấp độ bảo vệ trẻ em (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp) và trách nhiệm thực hiện; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; chăm sóc thay thế; các biện pháp bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Những quy định này cũng có ý nghĩa quan trọng với việc phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ trẻ em lao động.

d) Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi 2017)

Tại điều 296, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực từ 1/1/2018 với chế tài nghiêm khắc hơn, quy định: Người nào sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định thì bị phạt tiền từ 30 triệu đến 200 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 10 năm. Các tội danh khác liên quan đến lao động trẻ em cũng được tái khẳng định trong Luật số 12/2017/QH14, ngày 20/6/2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.

e) Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030

Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 7/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu chung nhằm bảo đảm thực hiện được các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em; tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Tại chỉ tiêu 10 của chương trình hành động có nêu rõ sẽ phấn đấu giảm tỉ lệ LĐTE và người chưa thành niên xuống 4.9% vào năm 2025 và xuống 4,5% vào năm 2030. Chương trình hành động cũng đã nêu ra 8 giải pháp cùng những quy định cụ thể về trách nhiệm của các Bộ, ban, ngành có liên quan trong việc đạt được những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

f) Quyết định 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021 về phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định

hướng đến năm 2030

Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với mục tiêu phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật (tức LĐTE) và trẻ em có nguy cơ trở thành LĐTE; Truyền thông về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE; Đào tạo, tập huấn về phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE. Định hướng đến năm 2030 phấn đấu giảm tỉ lệ LĐTE là lao động chưa thành niên xuống còn 4.5%. Chương trình đã cho thấy được quyết tâm của chính phủ trong việc thực hiện những cam kết quốc tế về trong việc phòng ngừa và xoá bỏ LĐTE ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

LƯU Ý:

Pháp luật quốc tế:

- Công ước 138 (ILO) quy định về độ tuổi lao động tối thiểu
- Công ước 182 (ILO) quy định những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất cần được xoá bỏ ngay lập tức.

Pháp luật Việt Nam:

- Hiến pháp Việt Nam (2013)
- Bộ luật lao động (2019)
- Luật Trẻ em (2016)
- Bộ luật hình sự (2018)
- Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030
- Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

NỘI DUNG 2

VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG HỌC TRONG PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU LAO ĐỘNG TRẺ EM

2.1. Vai trò của một số chủ thể trường học trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

2.1.1. Vai trò của Ban giám hiệu Nhà trường

Để phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em là học sinh trong trường học, thì vai trò của ban giám hiệu nhà trường được thể hiện như sau:

- Xây dựng phương hướng triển khai các hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em trên cơ sở đường lối, chủ trương của Nhà nước, kế hoạch của toàn năm học và tình hình thực tế của Nhà trường. Ví dụ, Nhà trường cần xây dựng kế hoạch thực hiện Công tác xã hội trong phòng ngừa, can thiệp học trẻ em lao động sớm...

- Định hướng các hình thức triển khai về phòng ngừa lao động trẻ em có thể được tích hợp trong chương trình các môn học, đưa vào nội dung sinh hoạt dưới cờ, thông qua hoạt động trải nghiệm, qua các tiết sinh hoạt chủ nhiệm lớp, qua hình thức hoạt động câu lạc bộ, cuộc họp phụ huynh, triển khai giáo dục kỹ năng sống, tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề với phụ huynh, học sinh và địa phương,...

- Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em (kế hoạch năm, quý, tháng) thống nhất với kế hoạch chung của nhà trường với kế hoạch của từng bộ phận để tránh sự chồng chéo trong cùng một thời điểm đồng thời Ban giám hiệu sẽ chỉ đạo sự phối hợp tổ chức của các bộ phận liên quan.

- Phê duyệt kế hoạch triển khai các hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em của từng giáo viên, từng bộ phận. Các hoạt động chỉ được triển khai sau khi đã có sự phê duyệt của Hiệu trưởng. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống lao động trẻ em.

- Tiến hành các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo, tọa đàm về bảo vệ trẻ em, chính sách pháp luật về bảo vệ trẻ em; về lao động trẻ em- nguyên nhân- hậu quả, phương pháp công tác xã hội trong trợ giúp lao động trẻ em... cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường về các vấn đề liên quan đến phòng, chống lao động trẻ em. Điều này là thiết yếu để giúp giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường có nhận thức đúng đắn hơn về các biện pháp phòng, chống lao động trẻ em.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em trong nhà trường theo kế hoạch đã phê duyệt. Kết quả đánh giá sẽ là công cụ đo sự hiệu quả của các

hoạt động được triển khai, nắm được mong muốn nhu cầu của học sinh và năng lực của cán bộ, giáo viên.

- Khuyến khích giáo viên, cán bộ nhân viên nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú, hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi học sinh, hướng vào các chủ đề phòng, chống lao động trẻ em để tạo cho các em cơ hội nâng cao nhận thức và thái độ đối với những vấn đề này, xây dựng các mối tương tác và quan hệ bạn bè tích cực giữa và trong nhóm bạn học với sự tôn trọng đúng mực đối với những khác biệt, phát triển và rèn luyện những kỹ năng phòng chống lao động trẻ em. Học sinh cần được tiếp xúc với các khái niệm liên quan đến lao động trẻ em. Khi học sinh đạt được hiểu biết ở mức độ cao hơn thì các em có thể tham gia thảo luận sâu với thông tin toàn diện hơn, thậm chí, có thể tham gia vào các dự án nghiên cứu, tìm hiểu.

Như vậy, ban giám hiệu đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, phê duyệt, kiểm tra, giám sát các hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em dựa trên chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường để công tác triển khai được thực hiện minh bạch, nghiêm túc, đúng quy trình, đúng thẩm quyền để bảo vệ tốt nhất cho học sinh.

2.1.2. Vai trò giáo dục của Giáo viên chủ nhiệm

Người đóng vai trò chủ chốt trong giáo dục phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em đó chính là các thầy cô giáo chủ nhiệm. Rèn luyện giáo dục phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em cho học sinh là một việc làm hết sức cần thiết của xã hội, các em không chỉ biết học giỏi về kiến thức mà còn phải được tôi luyện những kỹ năng sống qua đó tạo cho các em một môi trường lành mạnh, an toàn, tích cực, vui vẻ để trang bị cho các em vốn sống để bước vào đời tự tin hơn. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm được thể hiện như sau:

- Thiết kế các mô hình tổ chức hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em để trình kế hoạch lên Hiệu trưởng phê duyệt. Giáo viên kết hợp, triển khai các hoạt động phòng ngừa lao động trẻ em dựa trên sự phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Hiệu trưởng nhà trường. Bên cạnh đó, cần thực hiện các hoạt động giáo dục phòng ngừa theo đúng chức năng, nhiệm vụ, vai trò của cán bộ, giáo viên.

- Hoạt động giáo dục học sinh, thông qua hoạt động giáo dục, giáo viên chủ nhiệm có điều kiện hỗ trợ cho học sinh những kiến thức, kỹ năng để đối diện với vấn đề lao động sớm, cụ thể qua hoạt động ngoài giờ lên lớp để truyền tải các thông điệp về lao động trẻ em và phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh cũng như phụ huynh của Nhà trường. Sự đa dạng hóa các hoạt động giáo dục thông qua các hình thức như: sinh hoạt câu lạc bộ, tham quan, ngoại khoá, thi tìm hiểu,... sẽ giúp học sinh biết vận dụng những tri thức đã học để giải quyết các vấn đề do thực tiễn đời sống đặt ra. Thêm vào đó, thông qua hoạt động giáo dục, giáo viên chủ nhiệm còn giúp học sinh hướng nhận thức, biết tự điều

chính hành vi đạo đức, lối sống cho phù hợp. Qua đó cũng làm giàu thêm những kinh nghiệm thực tế cho bản thân về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

- Cố vấn, giúp đỡ học sinh cùng nhau tổ chức các hoạt động tập thể khác nhau trong đời sống hàng ngày ở trường, ngoài xã hội sẽ giảm bớt thời gian học sinh tham gia vào các hoạt động không lành mạnh, hạn chế nhóm tự phát, tránh ảnh hưởng xấu. Từ đó hình thành những kinh nghiệm giao tiếp ứng xử có văn hóa, giúp cho việc hình thành và phát triển nhân cách ở các em.

- Tổ chức lồng ghép nội dung giáo dục phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em vào các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ,...

+ *Lồng ghép giáo dục phòng ngừa lao động trẻ em tại các buổi sinh hoạt lớp:*

(i) Thời gian tổ chức lồng ghép vào buổi sinh hoạt lớp:

Tiết sinh hoạt lớp đã được xác định trong thời khóa biểu, có thể là thứ hai đầu tuần hoặc thứ sáu (đối với học sinh tiểu học), thứ bảy (đối với học sinh THCS và THPT) cuối tuần, có thể tổ chức trong hoặc ngoài lớp. Trong thực tiễn giáo dục hiện nay, có những trường cho tổ chức 2 buổi/ 1 tuần, ngoài tiết sinh hoạt trong lớp, còn 1 vài tiết sinh hoạt tập thể ngoài trời.

(ii) Mục đích của việc lồng ghép vào buổi sinh hoạt lớp:

Buổi sinh hoạt lớp có tác dụng to lớn trong việc giáo dục tập thể - xây dựng mối quan hệ thân ái, đoàn kết, tôn trọng, hợp tác giữa học sinh với nhau, hình thành cho các em các kỹ năng tự quản, những kỹ năng tổ chức hoạt động của mình, tạo ra dư luận tập thể lành mạnh, biết đánh giá đúng mức ưu điểm hay khuyết điểm của bạn ... Khi đó, tập thể vừa là môi trường, vừa là phương tiện giáo dục quan trọng, giáo viên sử dụng tập thể để tác động đến từng cá nhân học sinh. Việc lồng ghép nội dung giáo dục phòng ngừa lao động giúp các em hiểu được hậu quả, tác động của lao động trẻ em đến chính đời sống của các em.. từ đó mạnh dạn đưa ra được tiếng nói bảo vệ bản thân và biết lựa chọn công việc cho đúng pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh....

(iii) Yêu cầu của lồng ghép vào buổi sinh hoạt lớp:

Bám sát chủ đề, mục tiêu của giáo dục đề ra, phát huy tối đa tính tích cực của học sinh và phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và phù hợp với các yêu cầu sư phạm khi lồng ghép với chủ đề giáo dục phòng ngừa lao động trẻ em;

Phát huy thế mạnh của hoạt động tổ/ nhóm và quan tâm đến tất cả học sinh trong lớp (đến gia cảnh, năng lực, kinh tế gia đình...);

Các hoạt động thiết kế và tổ chức phù hợp với cơ sở vật chất, các điều kiện tổ chức hoạt động của nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất nhà trường;

Mọi công việc cần được cả giáo viên chủ nhiệm và học sinh chuẩn bị kỹ

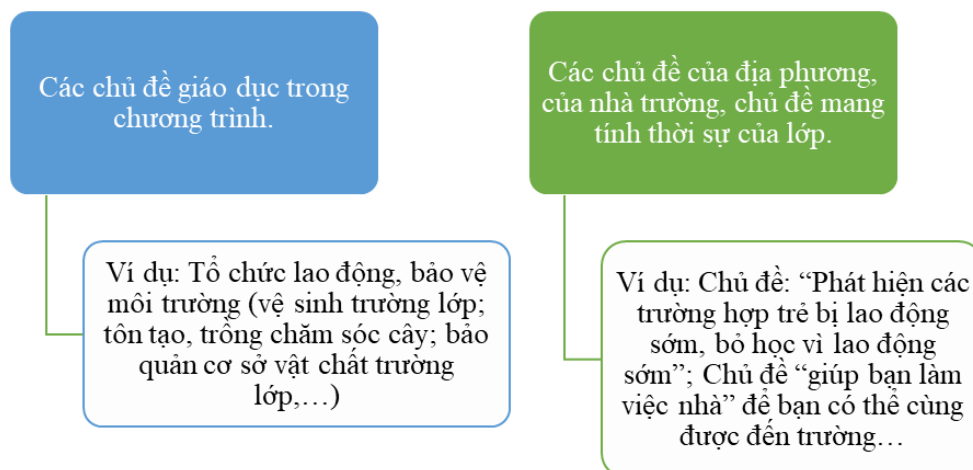
càng trước khi buổi sinh hoạt lớp diễn ra. Khuyến khích huy động sự tham gia của phụ huynh học sinh, cộng đồng cùng tham gia với các chủ đề liên quan;

Tổ chức thực hiện các hoạt động trong buổi sinh hoạt lớp nên thay phiên nhau

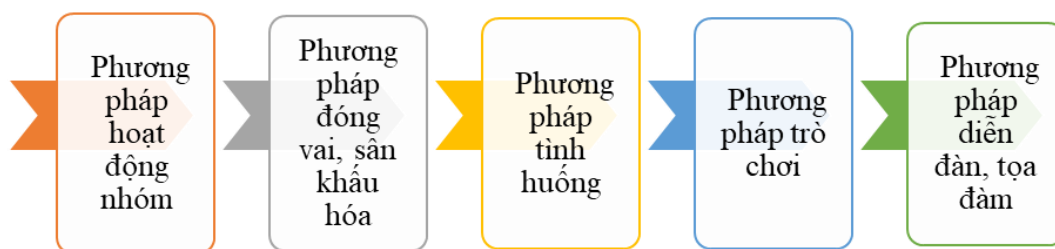
(iv) Hình thức lồng ghép vào buổi sinh hoạt lớp:

Thông qua nhiều hình thức tổ chức như trò chơi dân gian, văn nghệ, đồ vui để học, thể dục thể thao, hùng biện, trang trí lớp học, làm báo tường, tổ chức sinh nhật, tổ chức ngày hội (trung thu, hóa trang, trao đổi đồ dùng, đồ chơi, sách truyện,...), hoạt động khéo tay hay làm, hoạt động giao lưu (giao lưu kết nghĩa giữa các lớp, các trường, các địa phương, các nhà hoạt động xã hội) về các nội dung pháp luật về phòng ngừa lao động trẻ em; các kỹ năng phòng ngừa lao động trẻ em;...

(v) Lồng ghép trong hoạt động theo chủ đề:



(vi) Phương pháp lồng ghép trong tổ chức giờ/buổi sinh hoạt lớp:



- Phương pháp hoạt động nhóm: Kỹ năng hợp tác, chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt với những học sinh có nguy cơ bỏ học do hoàn cảnh khó khăn, với các bạn phải tham gia lao động sớm giúp đỡ gia đình,...;

- Phương pháp đóng vai, sân khấu hóa: Kỹ năng đồng cảm, biểu cảm cảm xúc, thái độ và rèn hành vi theo vai, kỹ năng giao tiếp,... với các chủ đề về hoàn cảnh, nguyên nhân và hậu quả đối với lao động trẻ em;
- Phương pháp tình huống: Kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn,... qua các câu chuyện về lao động trẻ em để tăng cường khả năng bảo vệ mình và giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh phải lao động sớm;
- Phương pháp trò chơi: Kỹ năng tổ chức hoạt động, kỹ năng giám sát, kỹ năng phản ứng linh hoạt, kỹ năng tuân thủ,... khi bắt gặp hay ghi ngờ bạn bè của mình hay học sinh là trẻ em bị bóc lột sức lao động;
- Phương pháp diễn đàn, tọa đàm: Kỹ năng ngôn ngữ, tư duy phản biện, tư duy độc lập, kỹ năng lắng nghe,... để bảo vệ trẻ em không bị rơi cảnh là LĐTE.

Sau đây là minh họa về hoạt động giáo dục phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em qua buổi sinh hoạt lớp:

**Hoạt động: Giáo dục phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em
qua buổi sinh hoạt lớp**

Môn học/ Hoạt động giáo dục: Sinh hoạt lớp;

Chủ đề: *Tác động của lao động sớm ở trẻ em đến học tập và quan hệ với thầy cô, bạn bè trong trường*; số tiết: 1 tiết

Thời gian thực hiện: ngày... tháng... năm... (hoặc từ..... đến.....)

1. Yêu cầu cần đạt:

- Học sinh nhận thức được lao động sớm là vi phạm pháp luật
- Nhận biết được sự nguy hại của lao động sớm tới học tập và quan hệ xã hội
- Trình bày được những kỹ năng sống cần thiết để biết phòng ngừa tình trạng lao động sớm

2. Đồ dùng:

- Máy tính, máy chiếu
- Các slides về sự ảnh hưởng của lao động sớm tới học tập và quan hệ xã hội của trẻ em, các kỹ năng sống cơ bản
- Giấy A0, A4, giấy màu, kéo, băng dính, bút màu...

3. Các hoạt động:

- Giáo viên chủ nhiệm thuyết trình về hậu quả của lao động sớm
- Giáo viên chia nhóm để học sinh thể hiện những cảm nhận của mình trên giấy A0, A4 sau khi nghe giáo viên trình bày
- Học sinh trình bày phân thuyết trình của nhóm mình
- Nêu những trường hợp lao động sớm mà các em đã từng biết
- Giáo viên chủ nhiệm tập huấn một số kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử khi phát hiện ra bạn mình là nhóm học sinh là lao động trẻ em
- Học sinh thảo luận nhóm và luyện tập những kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trợ giúp bạn khi lao động sớm qua việc đóng vai các tình huống.

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

Qua các nội dung ở buổi sinh hoạt lớp, mỗi học sinh được nói rộng hiểu biết về vấn đề lao động sớm ở trẻ em và biết những cách thức ngăn ngừa tình trạng này.

Trên đây là các hoạt động giáo dục có thể triển khai tại Nhà trường. Tùy theo khả năng và điều kiện của từng cơ sở cũng như mức độ nhận thức của học sinh mà lãnh đạo trường, giáo viên chủ nhiệm điều chỉnh cho phù hợp và sáng tạo thêm.

+ *Lồng ghép giáo dục phòng ngừa lao động trẻ em tại các buổi sinh hoạt dưới cờ*

(i) Thời gian tổ chức lồng ghép vào buổi sinh hoạt dưới cờ:

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với tên gọi là hoạt động trải nghiệm được thực hiện xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12, nó hoàn toàn khác với sinh hoạt đầu tuần. Tiết sinh hoạt dưới cờ sẽ là hoạt động cả giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng tham gia. Đây là một nghi thức trang trọng thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc và sự biết ơn đối với các thế hệ anh hùng liệt sĩ đã hi sinh nơi chiến trường để đổi lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc, về công tác bảo vệ trẻ em được sống môi trường lành mạnh, an toàn;...

(ii) Mục đích lồng ghép vào buổi sinh hoạt dưới cờ:

Sinh hoạt dưới cờ nhằm giáo dục nhằm hình thành cho học sinh các thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày như chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người học sinh ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, bổ sung các kiến thức về quyền và pháp luật, bổ trợ những kỹ năng sống cho học sinh.

(iii) Các bước cần thực hiện lồng ghép vào buổi sinh hoạt dưới cờ:

- o Nghi thức chào cờ;

- Nhận xét các hoạt động tuần qua một cách toàn diện về thực hiện nội quy học tập, lao động, thể dục, vệ sinh,... của nhà trường;
- Phổ biến những quy định của nhà trường, nội quy học sinh trong đó có quy định về tình bạn bè, yêu thương giúp đỡ bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn phải tham gia lao động sớm
- Phát động các phong trào thi đua, ví dụ như, giữ gìn vở sạch chữ đẹp, phòng học sạch đẹp, phát hiện trường hợp trẻ em là lao động trẻ em; doanh nghiệp sử dụng lao động trẻ em trái quy định của pháp luật...
- Phổ biến các công việc trong tuần, ví dụ, tổng vệ sinh trường lớp của các lớp, rèn luyện của mỗi lớp, quyên góp cứu trợ đồng bị bão lụt, gia đình học sinh có hoàn cảnh khó khăn;...
- Phát động thi đua tổ chức chủ điểm giáo dục, thường được tiến hành vào tiết chào cờ tuần đầu tiên theo chủ điểm nhằm khởi động, tạo động lực học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động của học sinh; tạo động lực vượt khó cho học sinh;...;
- Tổ chức hoạt động theo chủ điểm giáo dục (thường được sử dụng để tổ chức một số hoạt động theo chủ điểm, như nghe nói chuyện truyền thống, thi văn nghệ, thi diễn kịch,... về các nội dung đã phổ biến;
- Tổng kết việc tổ chức chủ điểm giáo dục thường được tiến hành vào tiết chào cờ của tuần cuối cùng theo chủ điểm, nhằm đánh giá quá trình, kết quả tổ chức chủ điểm, qua đó, xác định được những hoạt động thành công và chưa thành công, làm rõ nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm,...;
- Những nội dung giáo dục cập nhật, ví dụ, giáo dục an toàn giao thông, phòng bệnh theo mùa, bảo vệ môi trường, pháp luật bảo vệ trẻ em, pháp luật về lao động trẻ em,...;
- Nhận xét tiết chào cờ,...

Trong những nội dung trên, có những nội dung bắt buộc (nghỉ thức chào cờ, nhận xét tiết chào cờ), có những nội dung được gọi là thường xuyên chính là nhận xét, đánh giá các hoạt động tuần qua một cách toàn diện các nội dung mà đã triển khai trong tuần trước.

(iv) Nội dung lồng ghép vào buổi sinh hoạt dưới cờ

Tổ chức tiết sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề, chủ điểm trong kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các hoạt động khám phá bản thân, rèn luyện bản thân, phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô và người thân trong gia đình, bảo vệ quyền trẻ em, nhất là quyền trẻ em khi tham gia lao động; các hoạt động xã hội và tìm hiểu một số nghề nghiệp gần gũi với học sinh,...

(v) Hình thức lồng ghép vào buổi sinh hoạt dưới cờ:

Tổ chức một cách linh hoạt các hoạt động như văn nghệ, biểu diễn tiểu

phẩm, trò chơi dân gian, diễn thuyết, thể dục thể thao, hoạt động Đội,... Để đạt được mục tiêu phát triển năng lực học sinh, nhà trường cần tạo mọi điều kiện và khuyến khích tối đa học sinh tham gia từ khâu xây dựng kế hoạch, chuẩn bị điều kiện đến việc triển khai thực hiện, đánh giá kết quả và bày tỏ quan điểm của mình trong các hoạt động, giáo viên chỉ gợi mở vấn đề hoặc chia sẻ khi cần thiết.

Sinh hoạt dưới cờ là tiết học ở đó học sinh tiến hành hoạt động giáo dục, tự giáo dục và xây dựng tập thể lớp dưới sự cố vấn, hướng dẫn và chỉ đạo của giáo viên chủ nhiệm. Thông qua đó nhằm khơi dậy ở học sinh tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tinh thần hợp tác, trách nhiệm đối với bản thân, đối với tập thể và cộng đồng; hình thành, củng cố và phát triển ở học sinh kỹ năng hoạt động độc lập, tự chủ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong các mối quan hệ tập thể lớp và ngoài xã hội; xây dựng lớp thành một tập thể tự quản, có nền nếp, đoàn kết, gắn bó sống có trách nhiệm cùng nhau, phát huy được vai trò nòng cốt, tính tiên phong của tổ chức Đội trong các hoạt động tập thể.

Sau đây là minh họa về hoạt động giáo dục phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em qua Sinh hoạt dưới cờ:

**Hoạt động: Giáo dục phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em
qua Sinh hoạt dưới cờ**

Môn học/ Hoạt động giáo dục: Sinh hoạt dưới cờ

Chủ đề: Phòng ngừa lao động sớm ở trẻ em; số tiết: 1 tiết

Thời gian thực hiện: ngày... tháng... năm... (hoặc từ..... đến.....)

1. Yêu cầu cần đạt:

- Học sinh nhận diện được các hoạt động nào là lao động sớm
- Hiểu được độ tuổi trẻ em chưa được phép lao động nặng nhọc

2. Đồ dùng:

- Máy chiếu, máy tính
- Clip về lao động sớm ở trẻ em
- Các bức tranh về lao động sớm ở trẻ em
- Bộ câu hỏi về lao động sớm

3. Các hoạt động:

- Ôn định tổ chức
- Chào cờ

- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
- Giới thiệu nội dung sinh hoạt của buổi chào cờ
- Chiếu clip về thực trạng lao động sớm ở trẻ em hoặc những hình ảnh mô tả các hình lao động sớm ở trẻ em
- Chiếu slides ngắn gọn về quy định độ tuổi lao động và các điều khoản pháp luật cơ bản về ngăn chặn lao động sớm
- Một vài tiết mục văn nghệ hoặc vở kịch về lao động trẻ em
- Chiếu slides về những ảnh hưởng của lao động sớm tới sức khỏe, học tập và quan hệ xã hội của trẻ em.
- Bộ câu hỏi để đánh giá sự tiếp thu kiến thức của học sinh sau khi nghe trình bày về tình hình lao động sớm.

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

Tại Nhà trường có thể triển khai tổ chức các hoạt động dưới cờ khác như:

Tên hoạt động	Tổ chức thực hiện
Đào tạo, tập huấn về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.	Lãnh đạo trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiên phong, chuyên gia đào tạo
Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật pháp trong phòng ngừa lao động trẻ em qua viết, vẽ tranh, thi diễn kịch giữa các lớp hoặc khối lớp.	Lãnh đạo trường, Công đoàn, Đoàn thanh niên

Qua các nội dung ở buổi sinh hoạt lớp, mỗi học sinh được nói rộng hiểu biết về vấn đề lao động sớm ở trẻ em và biết những cách thức ngăn ngừa tình trạng này.

Trên đây là các hoạt động giáo dục có thể triển khai tại Nhà trường. Tùy theo khả năng và điều kiện của từng cơ sở cũng như mức độ nhận thức của học sinh mà lãnh đạo trường, giáo viên chủ nhiệm điều chỉnh cho phù hợp và sáng tạo thêm.

2.1.3. Vai trò của Giáo viên bộ môn thông qua hoạt động dạy học

Giáo dục phòng ngừa có thể thông qua khai thác nội dung các môn học đang được triển khai theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH² các môn học thuận lợi cho việc lồng

² Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

ghép kiến thức phòng ngừa lao động trẻ em như: Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục Công dân. Việc lồng ghép vào các môn học sẽ đưa đến một cách tiếp cận mới trong việc hỗ trợ kiến thức cho học sinh, phong phú hình thức học và triển khai được thông tư về Tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông, Công tác xã hội trong trường học. Vậy, vai trò của Giáo viên bộ môn thể hiện cụ thể như sau:

- Giáo viên sẽ khuyến khích học sinh tương tác, cùng tham gia, phát triển tư duy sáng tạo, hình thành thói quen nhận diện vấn đề qua sự hiểu biết về pháp luật, hiểu biết những mặt hại của vấn đề lao động trẻ em. Trong khi tham gia các hoạt động mang tính tương tác, học sinh có điều kiện được thể hiện các ý tưởng, suy nghĩ và sự hiểu biết của mình, đánh giá và xem xét lại các vốn kiến thức, vốn sống mà mình đã có trước đây để thay đổi hoặc bổ trợ thêm cho mình và giúp học sinh mở rộng nhận thức về vấn đề đó.

- Giáo viên cần lựa chọn các tiết dạy/bài học phù hợp để tích hợp nội dung lao động trẻ em mà không làm thay đổi đặc trưng môn học, tạo hiệu quả tích hợp, khơi gợi hứng thú học tập của học sinh.

- Giáo viên chủ động khéo léo trong việc tích hợp vào các bài học đảm bảo độ chính xác, khoa học, khắc sâu kiến thức trọng tâm nhưng đồng thời khơi gợi được những kiến thức về nghề nghiệp, đời sống nghề nghiệp liên quan đến kiến thức của bài học, môn học. Việc tích hợp đòi hỏi sự sáng tạo, cẩn trọng của giáo viên, tránh làm hình thức hoặc biến việc dạy bài học chính khoá thành tiết hướng nghiệp thuần tuý.

- Giáo viên cần vận dụng nhiều phương pháp tổ chức hoạt động học tập khác nhau tùy thuộc vào từng tính chất và đặc điểm môn học. Nhằm tổ chức thực hiện dạy học lồng ghép Giáo dục phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em qua các môn chính khoá cho học sinh đạt hiệu quả, giáo viên có thể thực hiện theo nhiều cách khác nhau, dưới đây chúng tôi lấy ví dụ về lồng ghép hoạt động giáo dục lao động trẻ em trong các môn học của các cấp học như: Lịch sử và Địa lí 8, Giáo dục công dân 12,...

Sau đây là minh họa về hoạt động dạy học phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em qua dạy học môn Giáo dục công dân 12:

Giáo dục phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em qua môn Giáo dục công dân
Môn học/ Hoạt động giáo dục: Giáo dục công dân; lớp: 12
Tên bài học/chủ đề: Quyền bình đẳng của công dân
Thời gian thực hiện: ngày... tháng... năm... (hoặc từ..... đến.....)
I. Mục tiêu
1. Kiến thức

- Trình bày được những vấn đề quyền của trẻ em trong gia đình, sự bình đẳng của trẻ em trong gia đình.
- Hiểu được vì sao người lớn, cha mẹ không có quyền được ép học sinh là lao động trẻ em.
- Nhận biết được tình hình lao động trẻ em thực tế tại Việt Nam hiện nay.
- Nhận diện được những ảnh hưởng của lao động sớm tới trẻ em

2. Năng lực

- Năng lực chung: giao tiếp và giải quyết vấn đề
- Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, lập kế hoạch phát triển bản thân,...

3. Phẩm chất

- Hình thành phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Tranh ảnh, phiếu học tập
- Máy tính, máy chiếu
- Bút màu, giấy A4

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu

- Giáo viên chiếu video về khái niệm lao động trẻ em:

Link: <https://youtu.be/RQy2dw5rF1c>

- Giáo viên tiến hành tổ chức thảo luận, chia sẻ những đánh giá của bản thân về tình hình lao động trẻ em hiện nay

- Học sinh thảo luận, chia sẻ
- Giáo viên kết nối vào bài mới

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về những vấn đề quyền của trẻ em trong gia đình, sự bình đẳng của trẻ em trong gia đình

a. Mục tiêu:

- Trình bày được những vấn đề quyền của trẻ em trong gia đình, sự bình đẳng của trẻ em trong gia đình.

- Hiểu được vì sao người lớn, cha mẹ không có quyền được ép học sinh là lao động trẻ em.

b. Nội dung:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về những vấn đề quyền của trẻ em trong gia đình, sự bình đẳng của trẻ em trong gia đình.

c. Sản phẩm

- Nội dung thảo luận của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Giáo viên trình bày các nội dung, số liệu liên quan đến vấn đề lao động trẻ em cập nhật mới nhất từ các nguồn chính thống của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, Tổng cục Thống kê hoặc theo các thông tin đã trình bày ở phần 1. Các thông tin có liên quan tới:

+ Tình hình phân bố lao động trẻ em giữa nông thôn và đô thị

+ Xu hướng diễn biến lao động trẻ em ở Việt Nam

+ Giới tính, độ tuổi, loại hình công việc của học sinh là lao động trẻ em

- Giáo viên phát phiếu thảo luận, hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi:

PHIẾU THẢO LUẬN

HIỂU BIẾT VỀ TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG TRẺ EM TẠI VIỆT NAM

I. Lựa chọn đáp án em cho là phù hợp

1. Lao động trẻ em có tính phổ biến hơn ở:

A. Khu vực nông thôn

B. Khu vực đô thị

2. Xu hướng diễn biến của LĐTE ở Việt Nam là:

A. Tăng lên trong những năm gần đây.

B. Giảm xuống trong những năm gần đây.

C. Ổn định (không tăng lên hay giảm đi) trong những năm gần đây.

3. Số lượng LĐTE ở Việt Nam hiện nay là:

A. Dưới 1.000.000 em

B. Dưới 1.200.000 em

C. Dưới 1.400.000 em

4. Phân theo giới tính, xét chung tình hình LĐTE ở Việt Nam hiện nay là:

- A. Số trẻ nam cao hơn trẻ nữ
- B. Số trẻ nữ cao hơn trẻ nam
- C. Số trẻ nam và nữ tương đương nhau

5. Phân theo độ tuổi, LĐTE ở Việt Nam tập trung chủ yếu:

- A. Từ 5 đến 12 tuổi
- B. Từ 13 – 14 tuổi
- C. Từ 15 – 17 tuổi

6. Phân theo lĩnh vực, LĐTE phổ biến nhất ở:

- A. Nông nghiệp
- B. Công nghiệp – xây dựng
- C. Dịch vụ

7. Phân theo tính chất công việc:

- A. Đa số LĐTE phải làm các công việc nguy hại
- B. Đa số LĐTE không phải làm các công việc nguy hại
- C. Số LĐTE ở hai mục A, B là tương đương

8. LĐTE thường:

- A. Được trả công cao hơn so với lao động đã thành niên
- B. Được trả công thấp hơn so với lao động đã thành niên
- C. Không được trả công mà chỉ được nuôi ăn.

9. Xét theo loại hình công việc, LĐTE có tỉ lệ cao nhất là

- A. Lao động được trả công
- B. Lao động tự sản, tự tiêu
- C. Lao động hộ gia đình và các hình thức khác

10. Địa điểm làm việc tập trung nhiều LĐTE nhất là tại:

- A. Tại nhà của trẻ
- B. Các trang trại, ruộng vườn.

C. Các công trường xây dựng

D. Các địa điểm lưu động

11. Vị thế công việc của LĐTE tại Việt Nam trong những năm gần đây diễn ra theo xu hướng:

A. LĐTE làm việc trong các công việc được trả lương tăng lên

B. LĐTE là lao động trong các hộ gia đình tăng lên

C. Cả A và B

12. Độ tuổi tham gia lao động phổ biến của LĐTE là

A. Từ 10 tuổi trở lên

B. Từ 12 tuổi trở lên

C. Từ 14 tuổi trở lên

II. suy ngẫm và trả lời một số câu hỏi:

(1) Phân biệt giữa “người lớn” và “trẻ em” cần dựa vào những tiêu chí nào?

(2) Một người ở độ tuổi nào thì có thể coi là trẻ em?

Thế nào là ‘trẻ em’ theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam?

- học sinh thảo luận nhóm đôi

- Giáo viên kết luận, nhận định

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tình hình lao động trẻ em

a. Mục tiêu:

- Xác định được lao động trẻ em

b. Nội dung:

- Câu hỏi tình huống

c. Sản phẩm

- Câu trả lời tình huống

d. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên nêu một số câu hỏi tình huống:

- Tình huống 1: NTL, là một nữ học sinh 13 tuổi. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, em phải phụ mẹ bán hàng ngoài chợ hơn 4 giờ/ngày vào các buổi chiều. Vì vậy, em phải nghỉ các buổi học tăng cường vào các buổi chiều tại trường.

Trả lời: Trong tình huống này, NTL được xác định là lao động trẻ em do tham gia lao động quá thời gian cho phép so với độ tuổi (quá 4 giờ/ngày). Việc tham gia lao động gây ảnh hưởng đến thời gian học tập của NTL tại trường.

- Tình huống 2: HVT, năm nay 15 tuổi, em có mơ ước trở thành một kỹ sư công nghệ thông tin trong tương lai. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không đủ điều kiện để có thể mua cho HVT một chiếc máy tính, nên hàng ngày HVT tự nguyện đi làm thuê trông quán cho một cửa hàng dịch vụ liên ngành game gần nhà vào các buổi chiều từ 13h đến 18h hàng ngày với tiền công là 50.000/ngày, những ngày cuối tuần em làm cả ngày. HVT cho rằng việc đi làm thêm vừa kiếm được thu nhập giúp gia đình, vừa có điều kiện để em tiếp xúc với máy tính.

Trả lời: Trong tình huống này, mặc dù HVT tự nguyện đi làm, không bị ép buộc, thời gian làm việc trong giới hạn cho phép. Nhưng HVT vẫn được xác định là lao động trẻ em do địa điểm làm việc của em trong danh mục nơi làm việc cấm người dưới 18 tuổi.

- Tình huống 3: PHN, 12 tuổi, có năng khiếu trong môn khiêu vũ thể thao. Em có tham gia vào đội tuyển của tỉnh dự các cuộc thi và đạt được thành tích cao. PHN thường xuyên được mời tham gia biểu diễn trong các chương trình nghệ thuật nhưng không quá 4 giờ/ngày. Em vẫn duy trì việc đến trường, thỉnh thoảng có nghỉ học một số buổi nếu bị trùng vào lịch thi đấu.

Trả lời: Trong tình huống này, PHN chưa được coi là lao động trẻ em do thời gian lao động, loại hình công việc và địa điểm làm việc không vi phạm quy định của pháp luật.

- Học sinh tiến hành thảo luận tình huống

- Giáo viên nhận xét, kết luận tình huống:

Lao động trẻ em là công việc khiến trẻ em mất đi tuổi thơ, tiềm năng và nhân cách, và có ảnh hưởng xấu tới sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ, bao gồm cả việc cản trở khả năng đến trường. Nó bao gồm những công việc:

* Nguy hiểm và gây hại cho trẻ em về mặt tinh thần, thể chất, xã hội hay đạo đức;

* Cản trở việc học tập của trẻ em do:

- Lấy đi của các em cơ hội học tập;

- Buộc các em phải nghỉ học sớm;

- Buộc các em phải kết hợp việc học với làm việc nặng nhọc và trong nhiều giờ.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Tổng kết nội dung bài học

b. Nội dung:

- Nhận diện được những ảnh hưởng của lao động sớm tới trẻ em

c. Sản phẩm

- Bài thảo luận của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận:

Làm việc theo cặp đôi hoặc thảo luận nhóm và ghi ý kiến vào bảng dưới:

- Học sinh tiến hành thảo luận

- Giáo viên kết luận, nhận định: Trẻ em phải lao động sớm sẽ để lại nhiều hậu quả, gây ảnh hưởng tới sự phát triển về thể chất và tâm lý, đồng thời cản trở việc tiếp cận giáo dục, từ đó tác động tiêu cực tới tương lai của chính trẻ em cũng như việc thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em, đồng thời tác động tới nguồn nhân lực tương lai của đất nước.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- Vận dụng các kiến thức đã học để liên hệ được với tình hình lao động trẻ em thực tế đang diễn ra xung quanh các em.

b. Nội dung:

- Bài tập về nhà của học sinh

c. Sản phẩm

- Bài báo cáo của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên nêu nội dung vận dụng: kể tên những dạng lao động trẻ em đang diễn ra xung quanh các em (*những hoạt động các em có thể nhìn thấy, nghe thấy trong gia đình mình, của bạn bè trong lớp, trong trường hoặc ngoài xã hội*)

- Học sinh hoàn thành bài tập về nhà và báo cáo kết quả vào buổi sau

- Giáo viên củng cố và kết luận.

2.1.4. Vai trò của Gia đình và phụ huynh học sinh

Gia đình là môi trường xã hội hóa đầu tiên của mỗi học sinh. Phụ huynh học sinh luôn giữ vai trò hàng đầu, là yếu tố quyết định đối với việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Phụ huynh là người gần gũi mật thiết và ở bên cạnh con cái của họ nhiều nhất, việc chăm sóc con trẻ không chỉ là trách nhiệm mà còn là tình yêu thương, thậm chí “*bản*

năng” của họ. Trong gia đình, việc bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em về lao động sớm cần được thực hiện một cách khoa học với những kiến thức, kỹ năng phù hợp. Chăm sóc phải gắn liền với bảo vệ. Phải xác định gia đình chính là nơi an toàn nhất cho trẻ em. Chính vì vậy vai trò của gia đình được thể hiện rõ nét qua các nội dung sau:

- Gia đình cần chủ động quan tâm tới những vấn đề của con em mình, phải biết được những hoạt động của các con tại trường học hay những nơi sinh hoạt cộng đồng để kịp thời ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra. Quan tâm đến con cái cả về vật chất và tinh thần. Gia đình với khả năng cao nhất của mình cung cấp cho trẻ em những điều kiện tốt nhất để phát triển về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

- Cha mẹ cần tạo một bầu không khí yêu thương, đoàn kết, gắn bó quan tâm giữa các thành viên gia đình, cho dù cuộc sống còn nhiều vất vả, nhưng khi có trẻ em trong gia đình thì các thành viên phải cố gắng bỏ qua những mâu thuẫn, xích mích để cho trẻ em luôn thấy mình được sống trong ngôi nhà ấm áp, yêu thương, mọi người biết quan tâm chia sẻ và trách nhiệm, nhường nhịn nhau.

- Trong gia đình, tùy vào vị trí của mình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị,...) tất cả phải nhận thức rõ ràng về lao động trẻ em, pháp luật về lao động trẻ em, hậu quả của lao động trẻ em... để tránh vi phạm pháp luật khi vô tình biến con em mình thành trẻ lao động sớm mà cứ nghĩ là dạy dỗ con biết làm việc để giúp đỡ gia đình, hoặc phải phụ giúp gia đình để kiếm sống. Trẻ em không thể được bảo vệ để tránh là đối tượng lao động sớm nếu như không có một môi trường giáo dục gia đình thuận lợi hoặc khi gia đình không nhận thức đầy đủ về pháp luật đối với lao động trẻ em. Những mối liên hệ của trẻ em với các thành viên của gia đình, nhất là cha mẹ sẽ quyết định việc trẻ em thực sự không phải lao động sớm trong gia đình và ngoài xã hội. Tuy nhiên, nếu cha mẹ có sự lơ là, chủ quan, tham công tiếc việc sẽ rất dễ dẫn đến những hậu quả thật đáng tiếc, trẻ em bị cuốn vào vòng xoáy các tệ nạn xã hội, trở thành nạn nhân của lao động sớm không phải chỉ ngoài xã hội mà thậm chí ngay tại ở nhà mà cha mẹ không biết.

2.2. Một số hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

2.2.1. Hoạt động **tuyên truyền** nâng cao nhận thức về lao động trẻ em

2.2.1.1. *Vai trò của hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em*

Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho học sinh và gia đình những hiểu biết về vấn đề lao động trẻ em và những nguy cơ tiềm ẩn là chiến lược rất quan trọng, vai trò của hoạt động này được thể hiện cơ bản như sau:

- Tuyên truyền nhằm hướng tới sự thay đổi về nhận thức, thái độ và hành vi cũng như hỗ trợ cho học sinh kiến thức về phòng ngừa lao động sớm ở trẻ em. Bên cạnh đó, gia đình cũng là nhóm đối tượng mà giáo dục cần quan tâm bởi nguyên nhân dẫn đến tình trạng lao động trẻ em phần lớn là do nhận thức của các bậc cha mẹ còn nhiều hạn chế. Cả

từ góc độ pháp lý, cả từ khía cạnh đạo đức, truyền thống thì trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ trẻ em trước hết là thuộc về gia đình, do nhận thức và hiểu biết về Luật lao động đối với trẻ em của trẻ em, gia đình và người sử dụng lao động còn hạn chế dẫn đến vi phạm các quy định về sử dụng lao động trẻ em, nhiều gia đình quan niệm rằng sự tham gia của trẻ em trong công việc gia đình được coi là một phần của quá trình xã hội hóa, trẻ em cần phải lao động mới có thể phát triển trí tuệ và hình thành nhân cách vì vậy việc trẻ em tham gia lao động thường không được coi là lao động trẻ em.

- Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em góp phần phòng, chống tội phạm mua bán trẻ em vì mục đích bóc lột sức lao động trẻ em. Thúc đẩy hành vi lành mạnh, khuyến khích thay đổi các hành vi ảnh hưởng tới sức khỏe và tâm sinh lý của học sinh là lao động trẻ em. Thúc đẩy sự quan tâm, tiếng nói và hành động của cộng đồng trong việc bảo vệ trẻ em khỏi vấn đề lao động trẻ em. Giáo dục cung cấp các kiến thức cơ bản về vấn đề lao động trẻ em, thực trạng và hậu quả của lao động trẻ em liên quan đến sức khỏe, tính mạng và sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em còn cung cấp kiến thức và rèn luyện các kỹ năng để học sinh có thể tăng cường các chức năng xã hội và ngăn ngừa các vấn đề không tốt có thể xảy ra liên quan đến lao động trẻ em. Trẻ em là người chưa phát triển hoàn thiện về thể chất và tinh thần vì vậy khi tham gia lao động thường dễ sai bảo mà hầu như không có sự phản kháng hay tự vệ. Lao động sớm làm ảnh hưởng đến quyền tiếp cận giáo dục của trẻ, khiến trẻ không có cơ hội học hành, phát triển nhân cách phù hợp với độ tuổi. Điều này đặt các em vào những nguy cơ dễ bị bóc lột, dễ bị lạm dụng, thậm chí là bị buôn bán, bạo lực, bạo hành.

- Đặc biệt, hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em có vai trò phát huy và nâng cao năng lực, vai trò của Ban giám hiệu Nhà trường, giáo viên, trong việc phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em và trợ giúp cho học sinh là lao động trẻ em.

2.2.1.2. Nội dung của hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em

Nội dung hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em phải phong phú và toàn diện, giúp cho học sinh tiếp nhận thông tin một cách tự nhiên, hào hứng. Gợi ý một số nội dung sau trong hoạt động tuyên truyền kiến thức, thông tin:

- Các kiến thức về pháp luật Quốc tế, pháp luật Quốc gia về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em. Nắm rõ những kiến thức về pháp luật Quốc tế, pháp luật Quốc gia về lao động trẻ em, các em sẽ hiểu được: độ tuổi tối thiểu tham gia lao động; về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của lao động trẻ em; về danh mục các ngành nghề bị cấm sử dụng lao động trẻ em,... Tuy nhiên, nhiệm vụ của giáo dục không phải chỉ giới thiệu nội dung mà còn phải bình luận, phân tích ý nghĩa và tầm quan trọng của các văn bản, tài liệu

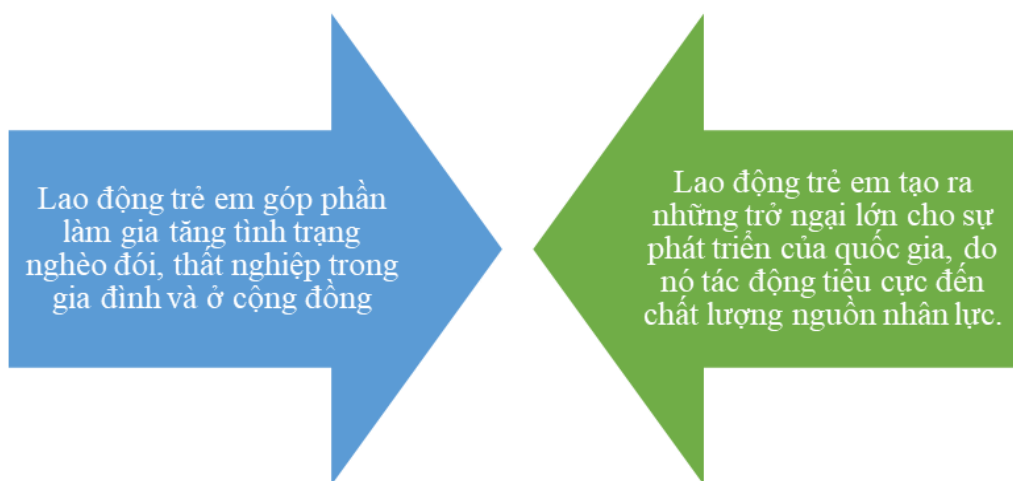
đó đối với lao động trẻ em.

- Kiến thức về kỹ năng sống như: kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng bảo vệ bản thân nói “không” với tệ nạn xã hội là một phần rất quan trọng trong nội dung giáo dục. Các kỹ năng có thể là các kỹ năng tìm hiểu về các hình thức khác nhau của lao động trẻ em; phân tích nguyên nhân, hậu quả của lao động trẻ em; kỹ năng kêu gọi sự đồng cảm, chống lại phân biệt đối xử với học sinh là lao động trẻ em; kỹ năng vận động chính sách, các nội dung nâng cao chức năng thay đổi hành vi tốt và xóa bỏ hành vi không tốt.

- Thông tin cập nhật về tình hình và diễn biến của lao động trẻ em, hậu quả của lao động trẻ em đối với sự phát triển của trẻ, đối với gia đình và chất lượng nòi giống, nhân lực lao động quốc gia là những nội dung không thể thiếu được trong hoạt động giáo dục. Cụ thể, lao động trẻ em không chỉ tác động tiêu cực đến đời sống và sự phát triển của bản thân trẻ, mà còn đến gia đình, cộng đồng và quốc gia nơi trẻ sinh sống. Tác động tiêu cực của lao động trẻ em đến bản thân trẻ:



- Thông tin về tác động tiêu cực của lao động trẻ em với gia đình, cộng đồng và quốc gia:



+ Lao động trẻ em có thể góp phần làm gia tăng tình trạng nghèo đói, thất nghiệp trong gia đình và ở cộng đồng. Điều này là do khi trẻ em phải nghỉ học sớm để lao động, các em không được giáo dục và đào tạo những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, vì thế khi trưởng thành khó có thể tìm được một công việc ổn định với mức lương cao. Việc làm bấp bênh và thu nhập thấp dẫn đến nghèo đói, thất nghiệp trong các gia đình và cộng đồng có lao động trẻ em.

+ Lao động trẻ em có thể tạo ra những trở ngại lớn cho sự phát triển của quốc gia, do nó tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực. Một quốc gia mà lao động trẻ em còn phổ biến sẽ có chất lượng nguồn nhân lực thấp, trong đó lao động phổ thông (lao động chân tay) là chủ yếu. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang quá độ lên kinh tế tri thức, các quốc gia có lao động phổ thông chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu nguồn nhân lực sẽ khó có thể trở thành một nước phát triển, giàu mạnh.

2.2.1.3. Hình thức của hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về lao động trẻ em

Những thông tin đó nhắc nhở mọi người tiếp tục ý thức trong việc ngăn ngừa lao động trẻ em, truyền tải qua các hình thức sau:

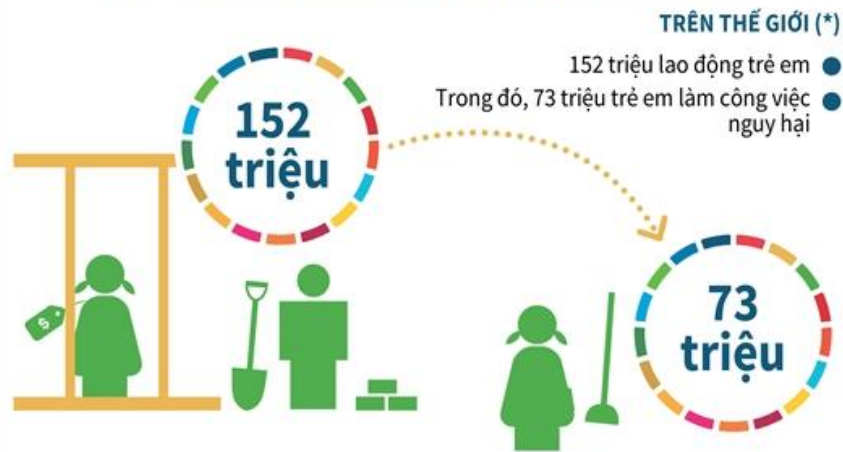
- Thông qua truyền thông, nhà trường có thể triển khai qua các hoạt động: tư vấn, tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ,... Truyền thông trực tiếp có tính chất tương tác cao, có sự phản hồi nhanh, thường tạo sự tin tưởng, có tác động thuyết phục và mức độ ảnh hưởng cao với người nghe. Truyền thông là một phương tiện có độ lan tỏa mạnh mẽ. Nhà trường cũng có thể kết hợp các hình thức truyền thông trực tuyến như qua website của nhà trường hoặc các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo,... bằng cách tạo ra các buổi workshop, diễn đàn, các cuộc thi hoặc các sự kiện có liên quan đến chủ đề phòng ngừa lao động trẻ em.

- Kết hợp với truyền thông bằng lời có thể phát sách, tài liệu phát tay,... cho học sinh, đối tượng học sinh là lao động trẻ em và người có liên quan để các em tự nghiên cứu thêm. Các ngôn ngữ truyền thông cần đơn giản, dễ hiểu, tránh dùng từ đa nghĩa, từ mang hàm ý tiêu cực, làm sao cho người nhận hiểu đúng nghĩa của người truyền đạt.

- Nhà trường sử dụng các khẩu hiệu, pano, áp phích, tranh ảnh,... để tuyên truyền tại trường học. Các phương tiện truyền thông này phải gây cảm xúc tích cực, gây được sự quan tâm chú ý của đối tượng.

Ví dụ về một thông điệp:

Lao động trẻ em Lợi ích trước mắt, hậu quả lâu dài



Hãy hành động
toàn cầu để
chấm dứt lao
động trẻ em

Cảnh báo
lao động
trẻ em

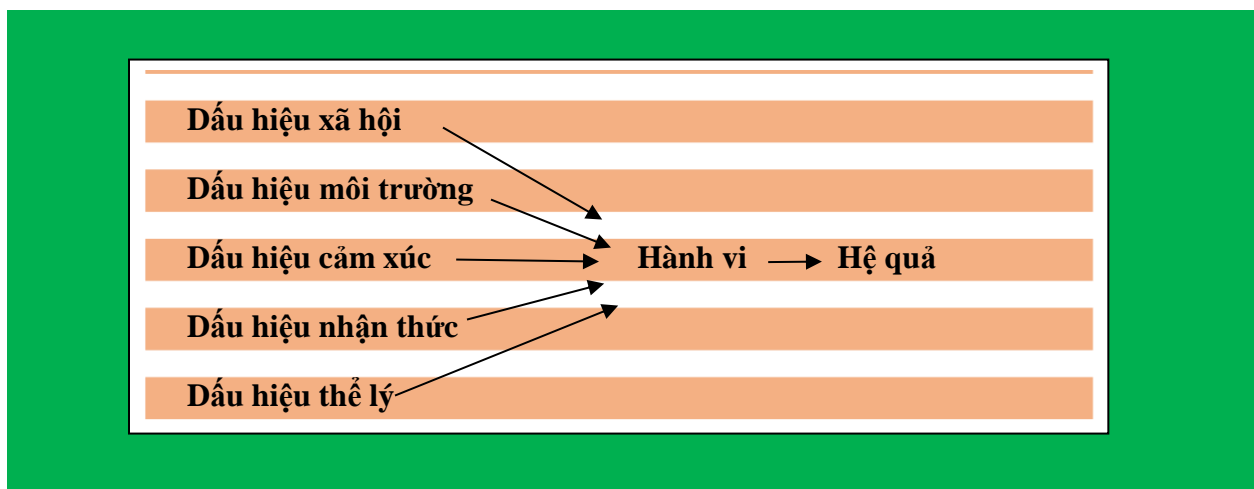
- Nhà trường có thể sử dụng cách truyền thông bằng hoạt động sân khấu hóa qua các hoạt động tập thể định kỳ, qua hoạt động dưới cờ. Đây là hình thức tiến hành theo đặc trưng của nghệ thuật sân khấu (tiểu phẩm, kịch ngắn, ca hát,...). Hình thức này được tổ chức khá sinh động, lôi cuốn và dễ hấp dẫn người tham gia. Hình thức này sẽ mang đến cho người xem những khoảnh khắc xúc động, có cơ hội nhìn lại chính mình để thấy những nhận thức và hành vi đúng sai của mình thông qua câu chuyện trên sân khấu để phân tích, thuyết phục những cách nhìn đúng đắn về vấn đề lao động trẻ em. Truyền thông bằng sân khấu hóa luôn mang tính nhanh nhạy, kịp thời, dễ hiểu, dễ cảm nhận và ngắn gọn.

2.2.2. Hoạt động tư vấn, tham vấn tâm lý phòng ngừa lao động trẻ em cho gia đình và trẻ em lao động sớm

2.2.2.1. Vai trò của tư vấn, tham vấn tâm lý trong phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

Vai trò của công tác tư vấn, tham vấn tâm lý cho gia đình và trẻ em lao động sớm được thể hiện như sau:

- Xác định vấn đề gặp phải, các dấu hiệu tác động dẫn tới hành vi lao động trẻ em, xác định nhu cầu để đưa ra các bước tư vấn, tham vấn phù hợp cho học sinh.



- Trợ giúp cho học sinh là lao động trẻ em giảm bớt cảm xúc tiêu cực, tăng cường sự lạc quan, phát triển niềm tin trong cuộc sống, từ đó tăng cường khả năng ứng phó với vấn đề liên quan tới lao động sớm.

- Giúp cho đối tượng học sinh là lao động trẻ em nâng cao chức năng xã hội thông qua việc hiểu về cảm xúc, chỉnh sửa hành vi và học cách ứng phó với tình huống có vấn đề; nhận thức được những hành vi có nguy cơ cao ảnh hưởng tới học tập, sức khỏe, đời sống.

- Giúp thúc đẩy việc ra quyết định của cho học sinh là lao động trẻ em một cách đúng đắn thông qua khám phá cảm xúc, hành vi và giải pháp.

- Giúp học sinh là lao động trẻ em tăng cường khả năng giao tiếp, khả năng phân tích vấn đề, đưa ra giải pháp hợp lý và thực hiện giải pháp một cách có hiệu quả.

- Tư vấn để giúp các em thấy được mình đang bị bóc lột sức lao động, đang lao động quá sức. Điều đó ảnh hưởng tới học tập, sức khỏe thể chất, tinh thần và có thể có nguy cơ xã hội khác liên quan lao động trẻ em. Giúp các em mạnh dạn nói ra tình trạng của mình với gia đình, thầy cô, bạn bè hoặc cơ quan chức năng.

- Tư vấn để giúp các em có kiến thức, kỹ năng để ứng phó, phòng ngừa với những nguy cơ như bị xâm hại, bóc lột lao động, bị sử dụng vào các hành vi phạm pháp như buôn bán chất cấm, bị xâm hại tình dục, buôn bán người ...

2.2.2.2. Nội dung của tư vấn, tham vấn tâm lý phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

- Nội dung tư vấn, tham vấn về việc giúp học sinh là lao động trẻ em ứng phó và xử lý với hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử bởi bạn bè, người quen và người sử dụng lao động...;

- Nội dung tư vấn, tham vấn về cách tâm sự, chia sẻ, thổ lộ với thầy cô, bạn bè về

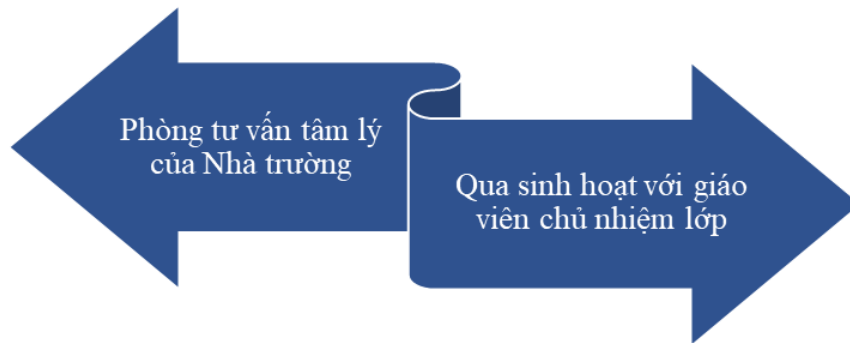
cảm giác cô đơn, chịu đựng và khó khăn của bản thân khi tham gia lao động mà bị bóc lột;

- Nội dung tư vấn, tham vấn về cách tập trung vào học tập cũng như tham gia các sinh hoạt tập thể để thấy mình là người có ích.

- Nội dung tư vấn, tham vấn về việc điều chỉnh cảm xúc, cơn giận dữ khi bị bóc lột để được an toàn trong tình huống đó và thoát khỏi cảnh bị đối xử thậm tệ...

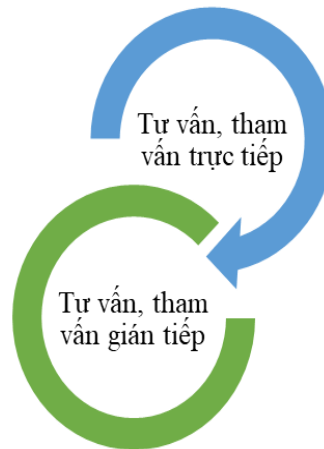
2.2.2.3. Phương pháp tổ chức/ thực hiện công tác tư vấn, tham vấn tâm lý

Hoạt động tư vấn được thực hiện thông qua các nhiệm vụ bắt buộc ở nhà trường:



2.2.2.4. Cách thức tư vấn, tham vấn tâm lý

* Căn cứ vào các hình thức tư vấn, tham vấn: chia làm 2 loại: trực tiếp và gián tiếp.

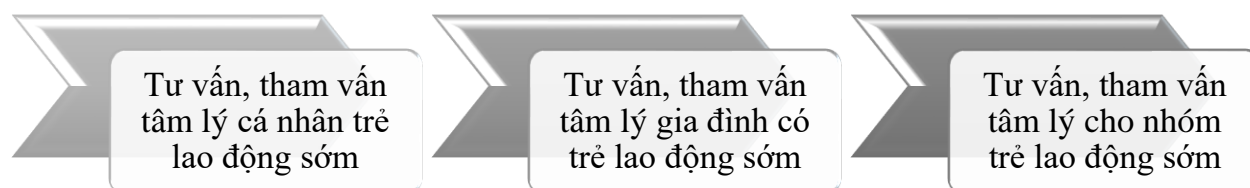


- Tư vấn, tham vấn tâm lý trực tiếp: Học sinh là lao động trẻ em và nhà tư vấn, tham vấn đối thoại với nhau một cách trực tiếp. Nhà tư vấn, tham vấn dùng các kỹ năng của mình giúp trẻ hiểu, nhìn nhận lại sự việc một cách tích cực hơn để từ đó khơi dậy những tiềm năng của trẻ, giúp trẻ tự lựa chọn cách giải quyết vấn đề của chính mình.

- Tư vấn, tham vấn tâm lý gián tiếp: Học sinh là lao động trẻ em và nhà tư vấn, tham vấn không đối thoại trực tiếp mà thông qua khâu trung gian như: báo chí, đài, điện

thoại, Internet, qua các phần mềm trực tuyến (zoom, zalo, viber, facebook,...)

* *Căn cứ vào đối tượng tư vấn, tham vấn tâm lý: có tư vấn, tham vấn tâm lý cho trẻ, gia đình trẻ và nhóm trẻ lao động sớm.*



- Tư vấn, tham vấn tâm lý cá nhân trẻ lao động sớm: nhà tư vấn, tham vấn tâm lý giúp tháo gỡ những vướng mắc gặp phải ở học sinh là lao động trẻ em như tâm lý lo sợ, chán nản, muốn tự tử,...

- Tư vấn, tham vấn tâm lý cho gia đình có trẻ lao động sớm: là hình thức tư vấn, tham vấn cho các thành viên trong gia đình của trẻ. Cả gia đình ngồi lại cùng với nhà tư vấn, tham vấn để thảo luận những vấn đề liên quan đến đối tượng, xem xét mỗi thành viên nhìn nhận vấn đề liên quan đến lao động sớm của trẻ lao động sớm hoặc trẻ có nguy cơ lao động sớm như thế nào? Nguyên nhân từ đâu và cần phải làm gì để giải quyết?

- Tư vấn, tham vấn tâm lý cho nhóm trẻ lao động sớm: là hình thức tư vấn, tham vấn cho một nhóm học sinh là lao động trẻ em có chung vấn đề, sự quan tâm,...

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC ĐẠO ĐỨC KHI TƯ VẤN, THAM VẤN CHO HỌC SINH

1. TÔN TRỌNG VÀ CHẤP NHẬN TRẺ
2. DÀNH QUYỀN TỰ QUYẾT CHO TRẺ
3. GIỮ BÍ MẬT THÔNG TIN VỀ TRẺ
4. KHÔNG LÊN ÁN, PHÊ PHÁN TRẺ
5. TÔN TRỌNG QUYỀN CỦA CHA MẸ
6. GIÁM HỘ HỢP PHÁP CỦA TRẺ EM

2.2.3. Hoạt động phát triển kỹ năng cho trẻ em có nguy cơ lao động sớm và trẻ em lao động sớm quay trở lại trường học



2.2.3.1. Kỹ năng nhận biết các dấu hiệu của lao động sớm

Kỹ năng này giúp trẻ em nhận biết được hoạt động nào là lao động sớm. Trẻ em được tiếp nhận thông tin qua các kênh truyền thông, qua các hoạt động sinh hoạt tập thể, xem kịch... để các thông điệp được truyền tải một cách tự nhiên và dễ hiểu nhất.

2.2.3.2. Kỹ năng bày tỏ chính kiến để phê phán vấn đề lao động sớm ở trẻ em

Cần phải hình thành cho trẻ kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá các hành vi, biểu hiện thái độ của người lớn khi có dấu hiệu ép buộc trẻ em lao động sớm. Trẻ sẽ biết phân định đâu là đúng - sai, tốt - xấu. Khi trẻ biết nhận định, phân tích, trẻ sẽ biết được lao động sớm là hoạt động có hại, không được xã hội chấp nhận, thậm chí vi phạm pháp luật.

2.2.3.3. Kỹ năng hòa nhập

Với kỹ năng này, trẻ sẽ không bị rơi vào cảm giác lạc lõng khi quay trở lại trường học nếu là trẻ lao động sớm. Sự hòa nhập sẽ giúp trẻ quên đi những hoạt động lao động vất vả đã trải qua để từ đó tự tin và sống đúng lứa tuổi của mình.

2.2.3.4. Kỹ năng làm chủ và ứng phó với lao động sớm của trẻ em

Kỹ năng này giúp học sinh cân bằng tâm lý, tránh trở thành nạn nhân của lao động sớm, tránh được sự trầm cảm – tự ti.

2.2.3.5 Kỹ năng kiểm chế cảm xúc tiêu cực

Học sinh ở giai đoạn này thường cảm xúc của chưa ổn định, dễ bị xáo trộn, dễ bị kích động dẫn đến “làm càn”, hoặc bị trầm cảm quá mức dẫn tới hành vi tiêu cực tự tổn thương, tự sát... Học sinh nếu bị bạn bè kỳ thị và phân biệt đối xử vì là trẻ em lao động sớm thường rất dễ bết tắc, không kiểm soát được mình, dẫn tới hậu quả xấu.

Do đó, cần dạy cho trẻ các kỹ năng **kiểm soát cảm xúc như: hít thở sâu, đếm từ 1-10**, nghĩ đến một câu chuyện hài, tìm mọi cách để hạ hỏa. Cùng thảo luận về các tình huống giả

định, khuyến khích trẻ tự nghĩ ra cách xử lý tình huống, nếu chưa hợp lý thì người lớn điều chỉnh, uốn nắn phù hợp. Khuyến khích các buổi diễn tập bằng lời nói và hành động. Đóng vai theo chủ đề các dạng lao động sớm, hướng dẫn thực hành, trình diễn.

2.3.3.6. *Kỹ năng xử lý tình trạng khẩn cấp*

Biết cầu cứu khi đối mặt với nguy cơ bị bạn bè trêu đùa, bỏ rơi hoặc tẩy chay vì mình là trẻ em lao động sớm.

Nếu cần thiết hãy nhẫn nhịn, lùi bước để tránh bạo lực nhưng không phải cam chịu “liều mình” chịu trận.

Tìm những người đáng tin cậy gần nhất để chia sẻ những dấu hiệu tiền bạo lực. Trẻ có thể gặp giáo viên chủ nhiệm, giáo viên tổng phụ trách Đội, người phụ trách Đoàn thanh niên, chuyên viên tâm lý học đường... hoặc bất kỳ ai là người lớn hơn có khả năng cứu giúp mình và trình bày ngắn gọn, rõ ràng vấn đề mình đang gặp phải.

Tốt nhất là khi bị trêu chọc, sỉ nhục nên im lặng, coi như không có chuyện gì, đi thẳng về hướng có đông người khác.

NỘI DUNG 3

CÔNG TÁC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG TRƯỜNG HỌC

3.1. Vai trò của Nhà trường trong hỗ trợ đối với trường hợp lao động trẻ em

- Khi cán bộ giáo viên (CBGV) nhà trường phát hiện học sinh của nhà trường là trẻ em lao động sớm thì cần báo với Ban giám hiệu nhà trường để nghe chỉ đạo và đồng thời báo với chính quyền địa phương về trường hợp học sinh này.

- Thiết lập mạng lưới liên kết gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ liên ngành, các trung tâm tư vấn, tham vấn, các chương trình dự án, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội chính thức và không chính thức,...

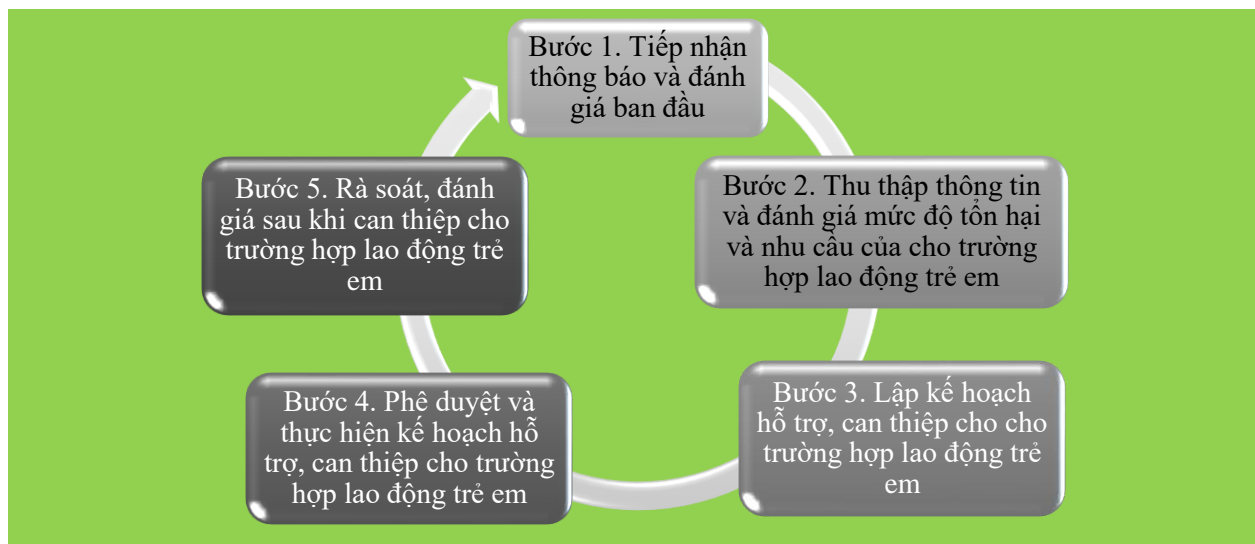
- Xây dựng kế hoạch về phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ cho lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em gắn với hệ thống bảo vệ trẻ em.

- Tăng cường hoạt động hợp tác với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng, tổ chức quốc tế về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em

3.2. Quy trình công tác xã hội trong hỗ trợ đối với trẻ em lao động sớm

Việc thực hiện quy trình này là công việc của Chính quyền địa phương và trực tiếp là Cán bộ bảo vệ trẻ em của địa phương làm đầu mối thực hiện. Tuy nhiên, nếu trường hợp học sinh của nhà trường là trẻ em lao động sớm thì Nhà trường, CBNV nhà trường có vai trò **phát hiện trường hợp; báo cáo chính quyền địa phương** và **hỗ trợ giải quyết** cho trường hợp lao động trẻ em là học sinh của nhà trường trong điều kiện cho phép.

Tuy nhiên, CBNV cần biết về quy trình công tác xã hội trong hỗ trợ đối với trẻ em lao động sớm để biết được học sinh của mình sẽ được hỗ trợ ra sao và trách nhiệm của Nhà trường đến đâu trong quy trình này. Quy trình hỗ trợ trường hợp đối với lao động trẻ em được thực hiện theo trình tự từ bước 1 đến bước 5. Cụ thể như sau:



3.2.1. Bước 1. Tiếp nhận thông báo và đánh giá ban đầu

Đây là bước đầu tiên, trong bước này, nếu CBGV là người phát hiện thì CBGV báo với Hiệu trưởng nhà trường, đồng thời báo với Chính quyền địa phương; phối hợp với cán bộ trẻ em địa phương (chuyên trách hoặc bán chuyên trách) để thu thập thông tin về học sinh là trẻ em lao động sớm.

Trường hợp CBGV là người phát hiện ra học sinh là đối tượng lao động sớm từ việc chủ động tiếp cận học sinh hoặc do học sinh tìm đến thầy/cô để chia sẻ CBGV cần chú ý thực hiện một số hoạt động sau:

- Đánh giá ngay xem trẻ có cần can thiệp khẩn cấp không (đi bệnh viện cấp cứu, **khám chữa bệnh kịp thời, đưa trẻ đến nơi an toàn,...**) khi trẻ em bị tai nạn, bị bóc lột trong lao động mà nguy hiểm đến an toàn tính mạng của trẻ, báo với lãnh đạo nhà trường khi đưa trẻ đi cấp cứu nếu cần thiết;

- Xác định những tình huống nguy cơ nếu trẻ tiếp tục lao động, nếu trẻ tiếp tục lao động thì nguy cơ gì có thể xảy ra, nguy cơ đối với phát triển thể chất (chấn thương, cong vẹo cột sống, chậm lớn, tính mạng bị đe dọa,...), nguy cơ đối với phát triển tinh thần (rối loạn trầm cảm, rối loạn lo sợ,...), nguy cơ đối với phát triển xã hội (kết quả học tập sẽ giảm sút mạnh, bỏ học,...) thì báo cáo với Hiệu trưởng đồng thời báo cho cán bộ trẻ em địa phương.

- Trấn an trẻ và ổn định tâm lý cho trẻ khi trẻ bị rơi vào trạng thái sợ hãi, lo lắng, bồn chồn, khóc lóc,...

- Khích lệ trẻ chia sẻ thông tin về việc được bảo vệ và những vấn đề tổn thương mà trẻ đang gặp phải

- Liên hệ với người thân, gia đình của trẻ, đặc biệt người có trách nhiệm bảo vệ

trẻ.

Một số lưu ý khi làm việc với lao động trẻ em

- Sử dụng kỹ năng giao tiếp tích cực và phù hợp với trẻ
- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc của công tác xã hội ngay từ bước đầu tiên khi làm việc với trẻ (Bảo mật thông tin của trẻ – Tôn trọng trẻ em và những mong muốn của trẻ – Lấy lợi ích của trẻ làm trọng tâm)
- Không áp đặt trong hỗ trợ trẻ em lao động sớm, không lấy cách thức hỗ trợ cho trẻ em này áp/vận dụng lên trường hợp trẻ em khác bởi vì mỗi trẻ có một hoàn cảnh, diễn biến tâm lý, khả năng tự vệ/ứng phó với các tác động khác nhau,...
- Cần quan tâm, đặt câu hỏi về cảm xúc – suy nghĩ – cảm nhận về cơ thể - hành vi của trẻ. Ví dụ, con cảm thấy thế nào? Có điều gì làm con lo sợ không? Con nghĩ thế nào khi mà người ta bắt con làm nhiều như vậy? Con đã làm gì khi bị bắt làm việc nhiều?...
- Để bảo vệ trẻ, chúng ta cần chú ý XÂY DỰNG môi trường LÀNH MẠNH xung quanh trẻ (gia đình, bạn bè, cộng đồng) thông qua hàng loạt các hoạt động như: tuyên truyền nâng cao nhận thức của chính quyền địa phương, cộng đồng về pháp luật trong lao động trẻ em, quyền của trẻ, khung hình phạt hành chính và hình sự về sử dụng lao động trẻ em, ...

Sau khi có được thông tin sơ bộ về trẻ em thì CBGV trường học cung cấp và phối hợp cho cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương thực hiện và hoàn thiện “Báo cáo tiếp nhận thông tin” về trẻ.

Điểm cần chú ý ở bước 1:

(1) Phối hợp với các bên liên quan: Xác minh thông tin của trẻ em lao động sớm

- Công an xã,
- UBND xã, Lao động - Thương binh và Xã hội xã,
- Các ban ngành đoàn thể,
- Trường học,
- Gia đình trẻ
- Các bên liên quan khác

(2) Tham khảo biểu mẫu số 01. Nghị định 56/2017/NĐ-CP về Thi hành Luật Bảo

vệ trẻ em

(3) Tham khảo biểu mẫu 01. Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT về Hướng dẫn Công tác xã hội trong Trường học.

Kết quả quá trình Tiếp nhận thông báo và đánh giá ban đầu có thể tham khảo theo Mẫu số 1 của Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT về Hướng dẫn Công tác xã hội trong Trường học. Biểu mẫu này là do cán bộ địa phương thực hiện. Ví dụ vụ cụ thể hướng dẫn ghi biểu mẫu như sau:

BÁO CÁO TIẾP NHẬN THÔNG TIN

Về trường hợp học sinh là lao động trẻ em

1. Nguồn nhận thông tin:

Thông qua (điện thoại/gặp trực tiếp/người khác báo): Giáo viên Trường THCS... phát hiện trường hợp học

Thời gian nhận thông tin: 10 giờ 40 phút, ngày 20 tháng 3 năm 2021.

2. Thông tin về người học - trẻ em lao động sớm (yêu cầu tính bảo mật)

Họ và tên: Trần Văn S.

Ngày tháng năm sinh: 17 tháng 8 năm 2008 (14 tuổi)

Lớp: 8, Trường THCS Phan A

Giới tính: Nam..... Dân tộc: Kinh.....

Địa chỉ gia đình của người học: Thôn B, Xã A, Huyện ABC.....

Họ tên, nghề nghiệp, số điện thoại liên hệ của cha, mẹ (hoặc người giám hộ): Chị Bùi Thị Th

Điện thoại: 090XXXXXXX; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Hoàn cảnh gia đình của học sinh: Học sinh NTS, 14 tuổi, lớp 8, Gia đình thuộc hộ cận nghèo, Bố mất sớm do mắc bệnh hiểm nghèo; Mẹ làm thuê công việc không ổn định, có một em gái năm nay 9 tuổi đang học lớp 4 trường Tiểu học Phan B. Bà nội già yếu không có thu nhập. Em NTS đi làm thêm tại một cơ sở sản xuất Gỗ tại địa phương, công việc khá nặng và tiếng ồn lớn vì làm xưởng cắt gỗ. EmNT S. có nguy cơ nghỉ học vì luôn mệt mỏi khi đến lớp, kết quả học tập kém; bài vở về nhà luôn không làm đầy đủ, bản thân ít giao tiếp chơi đùa với các bạn.

Nội dung của vụ việc hoặc nhu cầu của người học: trẻ lao động sớm ngày hơn 5 tiếng, không có ngày nghỉ trong tuần; trẻ mệt mỏi, gầy yếu, có nguy cơ bỏ học cao; Nhu cầu của người học được giúp đỡ về kinh tế để có thể tiếp tục đi học như các bạn.

3. Tình trạng hiện tại của người học

Về thể chất: Trẻ gầy gò, da xanh, mắt trũng, có biểu hiện thiếu ngủ, trên tay và chân có nhiều vết sứt sẹo, tím do va chạm, va đập.

Về tinh thần của người học: Ít nói, có trở ngại trong giao tiếp, mệt mỏi, lo lắng, có biểu hiện bồn chồn (không an toàn).

Vấn đề khác (ghi rõ): Kết quả học tập kém, đi học hay ngủ gật, lơ mơ, không tập trung nghe giảng, có nguy cơ bỏ học cao.

LMH, ngày 20 tháng 3 năm 20....

Người tiếp nhận thông tin (4)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Cán bộ xã...

3.2.2. Bước 2. Thu thập thông tin và đánh giá mức độ tổn hại và nhu cầu của cho trường hợp lao động trẻ em

Đây là bước mà cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương thực hiện, *CBGV biết để phối hợp trong khả năng cho phép.*

*** Thu thập thông tin về học sinh là lao động trẻ em**

Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương cần thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về học sinh là trẻ em lao động sớm như: như thu thập thông tin trên chính học sinh; gia đình học sinh, người thân, bà con hàng xóm, thầy cô, bạn bè của trẻ, cán bộ y tế xã/phường, cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương,... để đánh giá về các nội dung sau:

- Tình trạng thể chất, tâm lý, tình cảm của trẻ em lao động sớm hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột,...;
- Hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ của trẻ em và năng lực bảo vệ, hỗ trợ trẻ em lao động sớm của cha, mẹ, các thành viên trong gia đình;
- Các yếu tố làm trẻ em có thể bị bóc lột, xâm hại,... khi lao động;
- Điều kiện an toàn, khả năng học tập, lao động và khả năng tự bảo vệ của trẻ em lao động sớm;
- Mức độ an toàn và khả năng hỗ trợ của bà con cộng đồng dân cư nơi trẻ em sinh sống và lao động;
- Nhu cầu chăm sóc y tế, chữa trị các tổn hại về thể chất và tinh thần của trẻ em lao động; nhu cầu trợ giúp xã hội, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn, trị liệu tâm lý và các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác;
- Ý kiến, nguyện vọng của trẻ em được hỗ trợ, can thiệp;
- Ý kiến, nguyện vọng của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em cần hỗ trợ can thiệp (trừ trường hợp cha, mẹ, người chăm sóc là người gây tổn hại cho trẻ em).

Sau khi tiếp nhận thông tin khá đầy đủ về học sinh là lao động trẻ em (theo gợi ý trên) thì cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương cần tiếp cận với trẻ và những người liên quan để tiến hành việc đánh giá nguy cơ ban đầu về mức độ tổn hại của trẻ em. Cụ thể, sẽ đánh giá mức độ nguy cơ tổn hại của học sinh là trẻ em lao động sớm.

***Xác định vấn đề của học sinh là lao động trẻ em**

Trên cơ sở kết luận các nguy cơ ở phần trên, cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương xác định và liệt kê các vấn đề mà trẻ đang phải đối mặt và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cần hỗ trợ, can thiệp. Ngoài ra cũng cần tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến vấn đề để có thể can

thiệt được tận gốc vấn đề.

Ví dụ, đối với trường hợp của NTS. thì:

- Các vấn đề mà NTS. có thể phải đối mặt, đó là:

- Cơ thể ốm yếu, không khỏe mạnh
- Tai nạn lao động có khả năng xảy ra cao
- Tâm lý khó hòa động, thu hẹp giao tiếp
- Có nguy cơ bỏ học cao

- Sắp xếp thứ tự ưu tiên cần hỗ trợ, can thiệp:

• Thứ nhất: Giúp học sinh và gia đình có nguồn kinh phí để khám sức khỏe tổng quát cho em và bồi dưỡng **sức khỏe**.

• Thứ 2: Đảm bảo an toàn trong lao động, hỗ trợ tìm công việc và nơi làm việc làm phù hợp với độ tuổi theo đúng quy định pháp lý.

• Thứ 3: Tư vấn và giúp đỡ trẻ để tiếp tục đi học và cải thiện kết quả học tập

•

*** Đánh giá mức độ nguy cơ tổn hại của học sinh là lao động trẻ em**

Việc đánh giá này do cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương thực hiện và đánh giá mức độ tổn hại ở lao động trẻ em tại cộng đồng. Đánh giá mức độ tổn hại theo 3 mức độ (Cao, Trung bình, Thấp). Trong đánh giá mức độ tổn hại thì cần chú ý đến mức độ tổn hại hiện tại ở trẻ và nguy cơ của tổn hại ở lao động trẻ em.

Bảng đánh giá mức độ, nguy cơ tổn hại của người học

Đánh giá mức độ tổn hại/ nguy cơ bị tổn hại của học sinh	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
Đánh giá về mức độ tổn hại của học sinh	Cao (tổn hại của học sinh vẫn còn rất nghiêm trọng); Trung bình (tổn hại của học sinh còn ít nghiêm trọng); Thấp (tổn hại của học sinh không còn nghiêm trọng).
Đánh giá nguy cơ bị tổn hại của học sinh	Cao (học sinh có nguy cơ cao bị tổn hại); Trung bình (học sinh có nguy cơ bị tổn hại, nhưng không nghiêm trọng); Thấp (học sinh ít hoặc không có nguy cơ bị tổn hại).
Tổng số	Cao:

	Trung bình: Thấp:
--	----------------------

Ở đánh giá mức độ tổn hại của trẻ em. Nếu đánh giá mức **Cao** là trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng, bị đe dọa tính mạng; mức **Trung bình** là trẻ em bị tổn hại, nhưng không nghiêm trọng; mức **Thấp** là trẻ em ít hoặc không bị tổn hại nhưng không nghiêm trọng.

Ở đánh giá nguy cơ trẻ em tiếp tục bị tổn hại nếu ở trong tình trạng hiện tại. Nếu đánh giá mức **Cao** là nếu tiếp tục thì tính mạng và sức khỏe của trẻ bị đe dọa; mức **Trung bình** là trẻ tiếp tục bị tổn hại nhưng không nghiêm trọng; mức **Thấp** là trẻ ít hoặc ko bị tổn hại nếu tiếp tục lao động.

Trên cơ sở so sánh mức độ (Cao, Thấp, Trung bình) giữa Đánh giá mức độ tổn hại với Đánh giá nguy cơ tiếp tục bị tổn hại thì có thể thấy một số trường hợp:

- Nếu, đánh giá mức độ tổn hại của trẻ em ở mức độ **Cao** mà nguy cơ tổn hại cũng ở mức độ **Cao** thì kết quả cho thấy trẻ em vẫn bị tổn hại nghiêm trọng, nguy hiểm

- Nếu, đánh giá mức độ tổn hại của trẻ em là **Thấp** hoặc **Trung Bình** mà nguy cơ bị tổn hại lại ở mức độ **Cao** thì cần phải chú ý ngăn ngừa nguy cơ để không gây tổn hại cho trẻ;...

Vận dụng vào việc đánh giá mức độ, nguy cơ tổn hại của học sinh NTS.

Đánh giá mức độ tổn hại/ nguy cơ bị tổn hại của học sinh	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
Đánh giá về mức độ tổn hại của học sinh	Trung bình: mức độ gây tổn hại đối với NTS. ở hiện tại chưa nghiêm trọng, chưa bị đe dọa tính mạng.
Đánh giá nguy cơ bị tổn hại của học sinh	Cao: Học sinh NTS. có nguy cơ cao bị tổn hại cao, cụ thể nguy cơ bị tai nạn lao động cao, nguy cơ bỏ học cao.
Tổng số	Cao: 1 Trung bình: 1 Thấp:

Căn cứ vào kết quả đánh giá ở bảng trên, thì mức độ tổn hại của NTS. là **Trung bình** nhưng mức độ nguy cơ tổn hại lại ở mức độ **Cao** thì kết quả cho thấy em NTS. cần được hỗ trợ, can thiệp để phòng tránh tổn hại nghiêm trọng có khả năng xảy ra.

*** Xác định nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp của học sinh là lao động trẻ em**

Thực hiện chính công việc này là vai trò của cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương; sau khi xác định lao động trẻ em không có tình trạng khẩn cấp hoặc sau khi đã can thiệp khẩn cấp (ví dụ, cấp cứu sức khỏe và tính mạng, nơi ở an toàn cho trẻ,...) mà cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương xét thấy học sinh vẫn cần phải được hỗ trợ thì cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương có thể yêu cầu CBGV cung cấp thêm thông tin về học sinh là lao động trẻ em về những vấn đề diễn ra trong môi trường nhà trường và thực hiện việc xác định nhu cầu của học sinh để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hỗ trợ. Nhiệm vụ cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương trong bước này cần thực hiện các công việc như sau:

- *Xác định nhu cầu cần cung cấp dịch vụ của học sinh là lao động trẻ em:* Căn cứ vào những vấn đề ở trên, cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương xác định những nhu cầu cụ thể cần cung cấp như sau:

+ Chăm sóc, chữa trị các tổn hại (đáp ứng nhu cầu trẻ em cần sự chăm sóc về thể chất, tinh thần);

+ Tư vấn, trợ giúp xã hội, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác (đáp ứng nhu cầu trẻ em cần có một môi trường sống an toàn, đảm bảo các điều kiện để hòa nhập cộng đồng).

+ Các nhu cầu khác như của bố mẹ, gia đình, hàng xóm,... mà khi những nhu cầu này được đáp ứng sẽ góp phần giúp nhu cầu của trẻ được đáp ứng tốt hơn.

Cụ thể, đối với em NTS. thì cần:

- Đưa NTS. đi khám bệnh tổng quát và có hỗ trợ kinh phí để phục hồi sức khỏe
- Đảm bảo an toàn trong lao động, hỗ trợ tìm công việc và nơi làm việc làm phù hợp với độ tuổi theo đúng quy định pháp lý. Hỗ trợ mẹ NTS. có công việc thu nhập tốt hơn để lo cho con cái.
- Tư vấn và giúp đỡ trẻ để tiếp tục đi học và cải thiện kết quả học tập
- ...

- *Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương xác định những nguồn lực, dịch vụ và nguy cơ, rủi ro đối với trẻ em lao động sớm*

+ Nguồn lực bên trong: từ bản thân trẻ (ý chí, lạc quan, nghị lực,...) tới gia đình, người thân của trẻ

+ Nguồn lực bên ngoài: việc thực hiện chính sách xã hội đối với trẻ, các cơ quan cung cấp dịch vụ địa phương, tổ chức hội đoàn thể, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm,...

Cụ thể, đối với NTS. thì có thể chú ý khai thác các nguồn lực như sau:

- Nguồn lực về phía bản thân NTS và gia đình: sự mạnh mẽ, chịu khó của NTS của mẹ và NTS, cần chú ý quan tâm đến công việc của NTS tại xưởng gỗ.

- Về nguồn lực bên ngoài:
 - Cơ sở y tế khám chữa bệnh (nếu có) miễn phí cho NTS.
 - Thực hiện chính sách đối với trẻ em thuộc hộ nghèo, bố mất sớm, mẹ thì không đủ điều kiện nuôi dưỡng
 - Trường học miễn học phí, GV nhà trường quan tâm đôn đốc, nhắc nhở đến học sinh; Bạn bè giúp đỡ S. và động viên của NTS tiếp tục đi học
 -

Một số dấu hiệu của học sinh là lao động trẻ em mà CBGV cần lưu ý:



- Dấu hiệu về thể chất: còm nhom, chậm lớn, gầy gò, bị bệnh kéo dài.. hoặc có những dấu hiệu tổn thương nặng về thể chất, như có vết cắt ở cổ mặt, bị chảy máu ở những bộ phận quan trọng như đầu, gãy tay chân,...
- Dấu hiệu về tinh thần, tâm lý: chậm phát triển về trí tuệ, thiếu tự tin, khó hòa nhập xã hội; lo lắng; gặp khó khăn trong việc tạo lập các mối quan hệ, suy giảm lòng tự tôn; thậm chí có những tổn thương về trầm trọng về tinh thần như trầm cảm, thậm chí có ý định tự tử,...
- Dấu hiệu về kết quả học tập: thường xuyên đi học muộn trong trạng thái mệt mỏi, thường xuyên không học bài và làm bài ở nhà; đến lớp không tập trung và hay ngủ gật; kết quả học tập giảm sút và thấp; muốn bỏ học và bỏ học,..
- Dấu hiệu về mối quan hệ: thu hẹp mối quan hệ với bạn bè, ít giao tiếp,...

Điểm cần chú ý ở bước 2:

- (1) Nên đánh giá trong 5 ngày sau khi tiếp nhận thông tin
- (2) Đánh giá phù hợp văn hóa gia đình – cộng đồng
- (3) Tham khảo biểu Mẫu 02, Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT về hướng dẫn công tác xã hội

trong Trường học.

(4) Tham khảo biểu Biểu mẫu 03 Nghị định 56/2017/NĐ-CP về Thi hành Luật Bảo vệ trẻ em

Việc thực hiện các biểu mẫu này là do cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương thực hiện. Tham khảo kết quả quá trình Thu thập thông tin và đánh giá mức độ nguy cơ tổn hại và nhu cầu của học sinh là lao động trẻ em được thể hiện trong Mẫu số 2 của Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT về Hướng dẫn Công tác xã hội trong Trường học. Chú ý, khi thực hiện điền vào biểu mẫu Thông báo và tiếp nhận thì cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương chú ý nắm bắt nhanh và đầy đủ thông tin về trẻ em lao động sớm và điền đầy đủ (không được bỏ trống nội dung nào). Ví dụ, cụ thể hướng dẫn ghi biểu mẫu về trường hợp học sinh S. như sau:

Mẫu số 02

UBND Huyện ABC

UBND xã ABC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ, NGUY CƠ TỔN HẠI VÀ NHU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC

Họ và tên của học sinh (hoặc mã số): Trần Văn S. Mã số học sinh: XXXXXXXX.....

Thời điểm đánh giá: 15 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 3 năm 2021

1. Vấn đề của người học

Bỏ học, có nguy cơ bỏ học

Bị bạo lực, bóc lột sức lao động

Gây ra bạo lực, xâm hại

Bị phân biệt đối xử (về giới, HIV, có vấn đề về gia đình,...)

Vi phạm pháp luật

Vi phạm nội quy trường học.

Quan hệ tình dục sớm, không an toàn

Bị căng thẳng, khủng hoảng

Vấn đề khác (ghi rõ): Trẻ gầy yếu, xanh xao, thể lực kém,...

2. Đánh giá mức độ, nguy cơ tổn hại của người học

Đánh giá mức độ tổn hại/ nguy cơ bị tổn hại của người học	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
Đánh giá về mức độ tổn hại của người học	Trung bình: mức độ gây tổn hại đối với S. ở hiện tại chưa nghiêm trọng, chưa bị đe dọa tính mạng.
Đánh giá nguy cơ bị tổn hại của người học	Cao: Học sinh S. có nguy cơ cao bị tổn hại cao, cụ thể nguy cơ bị tai nạn lao động cao, nguy cơ bỏ học cao.
Tổng số	Cao: 1 Trung bình 1 Thấp:

3. Nguyên nhân của các nguy cơ (chủ quan, khách quan)

Nguyên nhân chủ quan: học sinh là trẻ em lao động sớm, thuộc gia đình cận nghèo, bố mất sớm, mẹ công việc không có nguồn thu ổn định, chế độ dinh dưỡng thấp, mẹ chưa thật sự quan tâm.

Nguyên nhân khách quan: lao động trong môi trường không an toàn (công việc nặng và tiếng ồn lớn) tại xưởng cắt xẻ gỗ, hay phải làm thêm giờ, không có ngày nghỉ.

4. Nhu cầu của người học:

- Được nâng cao nhận thức
- √ **Hỗ trợ về kinh tế**
- √ **Hỗ trợ về tâm lý**
- √ **Hỗ trợ về chăm sóc y tế**
- Hỗ trợ về các chương trình giáo dục đặc biệt
- √ **Được bảo vệ an toàn**

Các nhu cầu (ghi rõ): nhu cầu được chăm sóc sức khỏe, lao động an toàn phù hợp lứa tuổi có thu nhập; được trợ giúp về tâm lý; được có thời gian để chuẩn bị bài vở, học bài để tiếp tục học tập

5. Đề xuất giải pháp

- √ Can thiệp, trợ giúp tại trường học, địa phương
- Kết nối, chuyển gửi

Ý kiến lãnh đạo UBND xã....

ABC, ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Cán bộ phụ trách

(Ký, ghi rõ họ, tên)

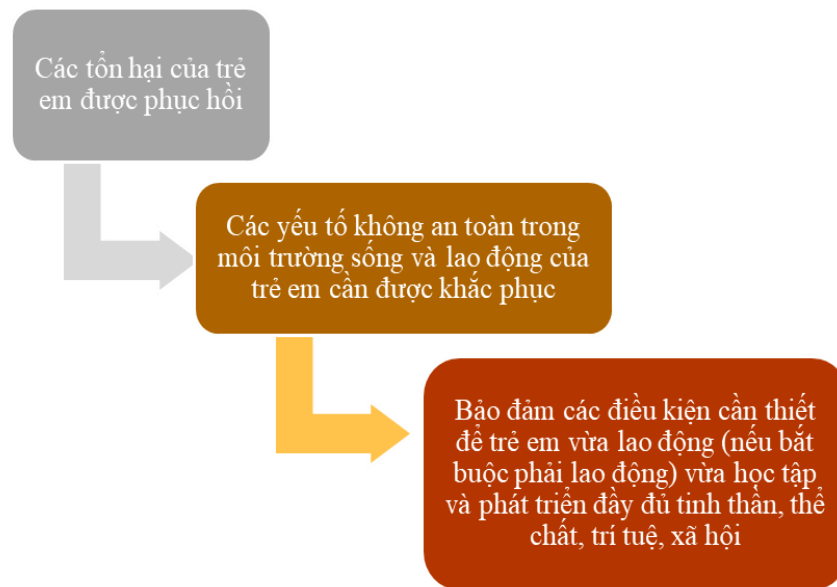
Cán bộ BVTE. Nguyễn Thị H

3.2.3. Bước 3. Lập kế hoạch hỗ trợ cho trường hợp lao động trẻ em

Bước này, đại diện CBGV tham gia như 1 thành viên của Ban bảo vệ trẻ em địa phương.

Nhiệm vụ lập kế hoạch là của Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương. Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương sẽ đề nghị/ đề xuất các bên liên quan như: CBGV, học sinh, gia đình học sinh và cơ quan cung cấp dịch vụ (y tế, pháp lý, xã hội, ...) cùng tham gia và có ý kiến xây dựng kế hoạch này, để đảm bảo có kế hoạch tốt, có tính khả thi trong can thiệp cho học sinh.

*** Xác định mục tiêu cần hỗ trợ, can thiệp cho học sinh là lao động trẻ em**



Các mục tiêu cần dựa trên những nhu cầu của học sinh. Ví dụ, ở bảng dưới đây sẽ gợi ý cho cán bộ nhà trường cách xác định mục tiêu cần đạt được:

NHU CẦU CỦA TRẺ EM	MỤC TIÊU CẦN ĐẠT
Trẻ cần được chăm sóc y tế	Trẻ được phục hồi thể chất
Trẻ cần được hỗ trợ tâm lý	Trẻ được phục hồi tâm lý

Trẻ cần được bảo vệ an toàn, lao động an toàn	Trẻ được bảo vệ an toàn, lao động an toàn
Trẻ cần được đến trường	Trẻ được đến trường, hòa nhập
Trẻ cần nhà ở, thức ăn, quần áo	Trẻ được đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu
Trẻ cần cha mẹ, người thân quan tâm, chăm sóc	Trẻ được cha mẹ, người thân quan tâm, chăm sóc

Ví dụ về mục tiêu cần đạt đối với việc hỗ trợ, can thiệp NTS đó là:

NHU CẦU CỦA EM NTS	MỤC TIÊU CẦN ĐẠT
NTS cần được khám sức khỏe tổng quát	NTS được khám sức khỏe và điều trị bệnh (nếu có)
NTS cần được động viên, giải tỏa tâm lý, khả năng giao tiếp với bạn bè	NTS có tâm lý thoải mái, biết giao tiếp và gắn kết với bạn bè, thầy cô
NTS cần phải được bảo vệ an toàn, lao động an toàn đúng quy định của pháp luật	NTS có được công việc mới an toàn, có thu nhập đúng quy định của pháp luật
NTS cần được giúp đỡ để có kết quả học tập tốt	NTS có kết quả học tập tốt hơn và tích cực đi học
NTS cần cha mẹ, người thân quan tâm, chăm sóc	NTS được mẹ và bà quan tâm, chăm sóc

Lưu ý trong xác định mục tiêu:



*** Xây dựng các hoạt động hỗ trợ nhằm đạt được mục tiêu**

Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương đề xuất các hoạt động can thiệp, hỗ trợ dựa trên các vấn đề và nhu cầu của trẻ, có thể là các hoạt động sau:



*** Lập bảng kế hoạch hỗ trợ cho học sinh là trẻ em lao động sớm**

Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương sẽ lập bảng kế hoạch để tổ chức thực hiện can

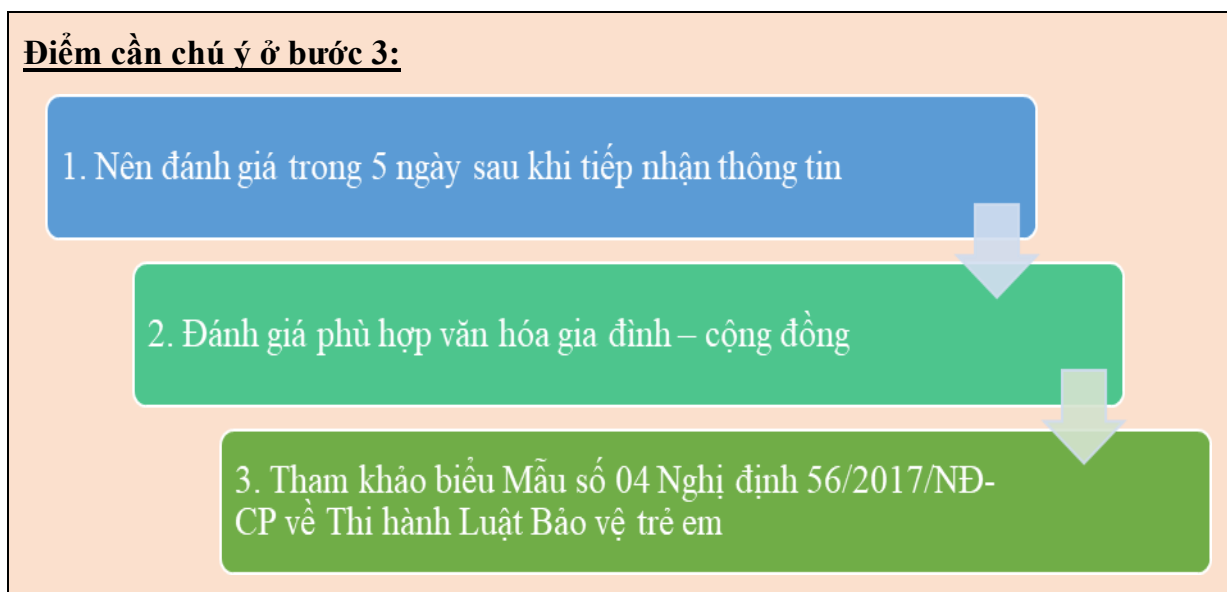
thiệt trường hợp lao động trẻ em. Ở công việc này, **CBGV có thể có ý kiến về các nội dung liên quan đến vai trò của nhà trường**, đến sự phối hợp với nhà trường trong việc giải quyết vấn đề của trẻ. Trong bảng kế hoạch này, căn cứ vào các hoạt động đề ra, Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương sẽ xác định người thực hiện và người phối hợp có chức năng nhiệm vụ phù hợp. Ngoài ra cũng cần dự kiến thời gian trong bao lâu để cần triển khai các hoạt động này.

STT	Mục tiêu	Tên hoạt động	Cán bộ thực hiện	Cán bộ phối hợp	Thời gian thực hiện
1
2
3

*** Lập dự toán kinh phí kèm theo (nếu có)**

Căn cứ theo những hoạt động được xác định trong bản kế hoạch, Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương sẽ trao đổi với những người/bên liên quan để lập kế hoạch kinh phí (nếu cần) để thực hiện những dịch vụ này

Kế hoạch kinh phí sẽ được xây dựng dựa trên những văn bản chính sách theo quy định. Ngoài ra Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương cũng có thể căn cứ vào các nguồn lực có thể huy động được để có thể hỗ trợ trẻ.



Chú ý, khi thực hiện điền vào biểu mẫu Thông báo và tiếp nhận thì Cán bộ bảo vệ

trẻ em địa phương chú ý nắm bắt nhanh và đầy đủ thông tin về trẻ em lao động sớm và điền đầy đủ (không được bỏ trống nội dung nào). Ví dụ, cụ thể hướng dẫn ghi biểu mẫu về trường hợp học sinh S. như sau:

UBND Huyện ABC UBND xã... -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	Mẫu số 03 <i>ABC, ngày 28 tháng 3 năm 2021</i>		
KẾ HOẠCH CAN THIỆP, TRỢ GIÚP HỌC SINH LÀ LAO ĐỘNG TRẺ EM TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC				
Họ và tên của người học (hoặc mã số): Trần Văn S, Học lớp 8.				
1. Mục tiêu				
<ul style="list-style-type: none"> - S. được khám sức khỏe và điều trị bệnh (nếu có) - Em S. được đảm bảo an toàn trong lao động, có công việc mới phù hợp có thu nhập và theo đúng quy định của pháp luật. - S. có tâm lý thoải mái, biết giao tiếp và gắn kết với bạn bè, thầy cô - S. có kết quả học tập tốt hơn và tích cực đi học - S. được mẹ và bà quan tâm, chăm sóc 				
2. Các hoạt động can thiệp, trợ giúp (chọn 1 hoặc nhiều hoạt động)				
<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối đưa S. đi khám bệnh tổng quát và chữa bệnh (nếu có) - Tìm kiếm công việc mới cho S. góp phần trang trải cuộc sống (công việc đảm bảo an toàn theo đúng quy định pháp luật) - Gặp gỡ, động viên, tháo gỡ những khó khăn tâm lý trong quan hệ với bạn bè của S.. - Hướng dẫn, giúp đỡ học tập thông qua vai trò của bạn bè cùng lớp và thầy cô - Trao đổi với gia đình S, (mẹ, bà) để dành thời gian quan tâm đến S. 				
3. Tổ chức thực hiện				
STT	Tên hoạt động	Cán bộ thực hiện chính	Cán bộ phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Kết nối đưa S. đi khám bệnh tổng quát và chữa bệnh	CBGV	CB y tế địa phương	3/4/2021
2	Tìm kiếm công việc mới cho S. góp phần trang trải cuộc sống (công việc đảm bảo an toàn theo đúng quy định pháp luật)	CBGV, Lãnh đạo Nhà trường	CB Bảo vệ trẻ em tại địa phương CB LĐ- XH	Từ 4/4/ đến 30/4/2021
3	Gặp gỡ, động viên, tháo gỡ những khó khăn tâm lý trong quan hệ với bạn bè của S..	CBGV	GV chủ nhiệm, bộ môn, tổng phụ trách	Từ 4/4 đến 15/4/2021

4	Hướng dẫn, giúp đỡ học tập thông qua vai trò của bạn bè cùng lớp và thầy cô	CBGV	Học sinh GV bộ môn	Liên tục từ tháng 4/2021 đến 7/2022
5	Trao đổi với gia đình S, (mẹ, bà) để dành thời gian quan tâm đến S.	CBGV	Gia đình S	Từ 4/4 đến 10/4/2021

ABC, ngày 28 tháng 3 năm 2021.

Cán bộ phụ trách
(Ký, ghi rõ họ, tên)

CBBVTE. Nguyễn Thị H.

UBND xã/phường...
(Ký, ghi rõ họ, tên)

3.2.4. Bước 4. *Phê duyệt và thực hiện kế hoạch hỗ trợ cho trường hợp lao động trẻ em*

Ở bước này, CBGV chỉ nắm bắt xem có quyết định của UBND về thực hiện can thiệp cho học sinh là trẻ em lao động sớm chưa, sau khi nắm bắt thì sẽ thực hiện phần công việc liên quan (nếu có). Nhiệm vụ chính của bước này thì thuộc về Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương. Bước này do địa phương triển khai.

Điểm cần chú ý ở bước 4:

- (1) Sau khi nhận được Kế hoạch can thiệp, trợ giúp học sinh là trẻ em lao động sớm, Lãnh đạo địa phương có trách nhiệm phê duyệt và ra Quyết định hỗ trợ can thiệp.
- (2) *Tham khảo biểu Mẫu số 05. Nghị định 56/2017/NĐ-CP về Thi hành Luật Bảo vệ trẻ em*

3.2.5. Bước 5. *Rà soát, đánh giá sau khi hỗ trợ cho trường hợp lao động trẻ em*

Công tác này cũng do địa phương và cán bộ địa phương thực hiện, CBGV trường học chỉ nắm bắt xem tiến độ và kết quả đến đâu trong việc trợ giúp học sinh của trường mình, hoặc đưa ra ý kiến nếu thấy cần thiết.

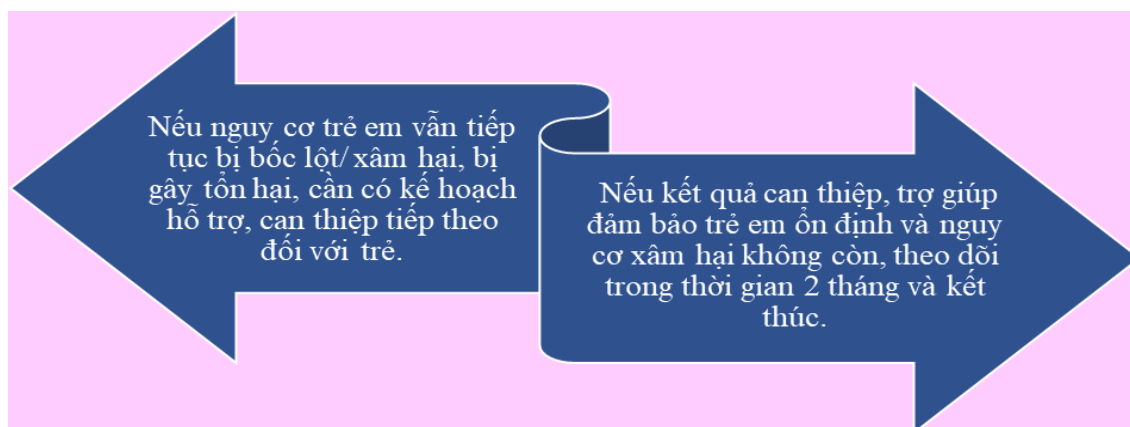
Rà soát, đánh giá cuối cùng, đây là công việc được thực hiện sau khi Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương đã thực hiện các hoạt động trong **Bản Kế hoạch hỗ trợ**. Để có căn cứ tiếp tục hỗ trợ trẻ em lao động sớm khi mục tiêu chưa đạt được hay kết thúc việc hỗ trợ khi các mục tiêu đã hoàn thành thì Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương cần đánh giá một cách tổng quát và toàn diện những hoạt động đã thực hiện.

Ngoài việc đánh giá và rà soát theo kế hoạch, Cán bộ bảo vệ trẻ em địa phương cũng cần đánh giá lại về mức độ tổn hại và nguy cơ của trẻ lao động sớm khi tham gia lao động tại các cơ sở sử dụng lao động không thực hiện các quy định pháp luật đối với trẻ. Cụ thể là:

Bảng 3. 1: Đánh giá tình trạng của học sinh sau hỗ trợ

Đánh giá mức độ tổn hại của học sinh	Mức độ (Cao, Trung bình, Thấp)
Đánh giá về mức độ an toàn của học sinh	Cao (Học sinh vẫn chưa được an toàn) Trung bình (Người học được bảo đảm an toàn nhưng vẫn còn nguy cơ) Thấp (Học sinh được an toàn tuyệt đối)
Đánh giá về kiến thức, kỹ năng nhận biết, giải quyết vấn đề	Cao (Học sinh chưa có đủ kiến thức, kỹ năng tự giải quyết vấn đề) Trung bình (Học sinh cơ bản bước đầu đã có kiến thức, kỹ năng nhưng khả năng xử lý vấn đề còn hạn chế) Thấp (Học sinh đã có kiến thức kỹ năng và xử lý tốt các vấn đề)
Đánh giá về mức độ tổn hại của học sinh	Cao (tổn hại của Học sinh vẫn còn rất nghiêm trọng); Trung bình (tổn hại của Học sinh còn ít nghiêm trọng); Thấp (tổn hại của Học sinh không còn nghiêm trọng).
Đánh giá về những trở ngại trong môi trường liên quan đến học sinh	Cao (môi trường chăm sóc vẫn có nhiều trở ngại đáng kể để bảo đảm an toàn cho Học sinh); Trung bình (có một vài trở ngại, nhưng Học sinh vẫn có được sự bảo vệ nhất định); Thấp (có ít hoặc không có trở ngại nào cho việc bảo vệ Học sinh).
Tổng số	Cao: Trung bình: Thấp:

Kết luận về tình trạng của trẻ em lao động sớm. việc kết luận này là của của cán bộ bảo vệ trẻ em ở địa phương:



NỘI DUNG 4

THÔNG TIN TÓM LƯỢC VỀ LUẬT PHÁP VÀ HỆ THỐNG DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

4.1. Danh mục công việc nhẹ theo pháp luật Việt Nam

Danh mục công việc người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi được làm (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLao động - Thương binh và Xã hội ngày 12 tháng 11 năm 2020 của bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Phụ lục II), bao gồm:

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Lập trình phần mềm.
4. Các nghề truyền thống: chằm men gốm; cua vỏ trai; làm giấy dó; làm nón lá; chằm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thổ cẩm; thêu thổ cẩm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen; vẽ tranh sơn mài, se nhang, làm vàng mã (trừ các công đoạn có sử dụng hóa chất độc hại như sơn ta, hóa chất tẩy rửa, hóa chất dùng để ướp màu, hóa chất tạo mùi, tạo tàn nhang cong,...).
5. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống,...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa; nhật vô sò, điệp để gắn trên tranh mỹ nghệ; mài đánh bóng tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm, đánh bóng trang sức mỹ nghệ; làm rối búp bê; làm thiệp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiệp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.
6. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đót, lá nón.
7. Gói nem, gói kẹo, gói bánh (trừ việc vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
8. Nuôi tằm.
9. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.
10. Chăn thả gia súc tại nông trại.
11. Phụ gỡ lưới cá, đan lưới cá, phơi khô thủy sản.

12. Cắt chỉ, đơm nút, thừa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.

- Danh mục nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLao động - Thương binh và Xã hội ngày 12 tháng 11 năm 2020 của bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Phụ lục III), bao gồm:

I. Nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 có thể được làm thêm giờ

1. Biểu diễn nghệ thuật.
2. Vận động viên thể thao.
3. Viết văn, viết báo.
4. Lập trình phần mềm.
5. Các nghề truyền thống: chằm men gốm; làm giấy dó; làm nón lá; se nhang; chằm nón; dệt chiếu; làm trống; dệt thổ cẩm; thêu thổ cẩm; làm bún gạo; làm miến; làm giá đỗ; làm bánh đa; dệt tơ tằm; se sợi hoa sen.
6. Các nghề thủ công mỹ nghệ: thêu ren; mộc mỹ nghệ; làm lược sừng; làm tranh dân gian (tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống,...); nặn tò he; làm tranh khắc gỗ, biểu tranh lụa; nhật vò sò, điệp,... để gắn trên tranh mỹ nghệ; khâu chuỗi tràng hạt kết cườm; làm rối búp bê; làm thiệp mừng các sản phẩm từ giấy nghệ thuật trang trí trên thiệp mừng; làm khung tranh mô hình giấy, hộp giấy, túi giấy.
7. Đan lát, làm các đồ gia dụng, đồ thủ công mỹ nghệ từ nguyên liệu tự nhiên như: mây, tre, nứa, dừa, chuối, bèo lục bình, đay, cói, quế, guột, đốt, lá nón.
8. Gói nem, gói kẹo, gói bánh (trừ trường hợp vận hành hoặc sử dụng các máy, thiết bị, dụng cụ đóng gói).
9. Cắt chỉ, đơm nút, thừa khuyết, đóng gói vào hộp các sản phẩm dệt thủ công.
10. Đưa tin, thư bưu phẩm, bưu kiện; đóng gói bưu phẩm.
11. Bán hàng tận nhà; bán hàng qua điện thoại; bán hàng trực tuyến.
12. Đánh giày; chế biến, bán hàng thực phẩm trên hè phố.
13. Gia sư; quét dọn, giúp việc trong các gia đình; phụ giúp vệ sinh nhà cửa.
14. Bảo vệ, trông xe các cơ quan, doanh nghiệp, nhà hàng.
15. Thu tiền từ máy bán hàng tự động, ghi số từ các đồng hồ; thu ngân, bán hàng trong siêu thị.

16. Công việc trong nhà hàng, quán ăn, quán cà phê: lễ tân, pha chế đồ uống, phụ bàn, phụ bếp, đầu bếp, tạp vụ.

17. Công việc văn phòng: photo, đánh máy, trực điện thoại.

18. Dịch vụ bán hàng: quần áo, giày dép, sách báo, tạp hóa.

19. Sơ chế nông sản: phân loại, gọt vỏ, bóc vỏ, tách nhân, đóng gói.

20. Làm cỏ vườn rau sạch; thu hoạch rau, củ, quả sạch theo mùa.

21. Nuôi gia súc, gia cầm, nuôi giun, dế, côn trùng không độc hại, nguy hiểm.

II. Nghề, công việc người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm ban đêm

1. Biểu diễn nghệ thuật.

2. Vận động viên thể thao.

4.2. Danh mục các công việc và những nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam

- Danh mục các công việc và những nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi) được quy định tại Điều 147 Bộ Luật Lao động 2019. Cụ thể như sau:

Các công việc bị cấm (Khoản 1, điều 147)	Nơi làm việc bị cấm (Khoản 2, điều 147)
a) Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên; b) Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác; c) Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ; d) Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc; đ) Phá dỡ các công trình xây dựng; e) Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;	a) Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm; b) Công trường xây dựng; c) Cơ sở giết mổ gia súc; d) Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử; đ) Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực nhân cách của người chưa thành niên (chi tiết tại Phụ lục

<p>g) Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;</p> <p>h) Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực nhân cách của người chưa thành niên</p>	<p>IV, TT09/2020/TT-BBLao động - Thương binh và Xã hội)</p>
---	---

- Danh mục công việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm H, Khoản 1, Điều 147 của Bộ Luật Lao động 2019 và Danh mục nơi làm việc gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên theo quy định tại điểm Đ, Khoản 2, Điều 147 của Bộ Luật Lao động 2019 (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BLao động - Thương binh và Xã hội ngày 12 tháng 11 năm 2020 của bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

<p>Các công việc bị cấm</p> <p><i>(Điểm H, Khoản 1, Điều 147 của Bộ Luật Lao động 2019)</i></p>	<p>Nơi làm việc bị cấm</p> <p><i>(Điểm Đ, Khoản 2, Điều 147 của Bộ Luật Lao động 2019)</i></p>
<ol style="list-style-type: none"> 1. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc). 2. Đốt và ra lò luyện cốc. 3. Đốt lò đầu máy hơi nước. 4. Vận hành nồi hơi đốt nhiên liệu (than đá, bã mía, củi, mùn cưa, trấu) và nồi hơi sử dụng nhiên liệu lỏng và có khí áp suất làm việc từ 4,0 bar trở lên, công suất trên 0,5 T/h). 5. Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng, các trạm khí nén có áp suất 8,0 bar. 6. Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh). 7. Lắp đặt khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ). 8. Thu gom bã thải sản xuất cùn công nghiệp. 9. Vận hành máy hồ vải sợi. 10. Nhuộm, hấp, vải sợi. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp xúc với các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại có trong môi trường lao động nằm ngoài giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động, bao gồm: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi xi măng, bụi than, bụi tale; các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X, các chất độc hại và các tia có hại khác. 2. Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh. 3. Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom.

11. Chủ nhiệm kho, thủ kho, phụ kho kho hóa chất, thuốc nhuộm.

12. Khai thác đá, đập đá thủ công, cạy bẫy đá trên núi.

13. Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.

14. Tuyển quặng chì.

15. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người).

16. Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.

17. Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.

18. Cưa xẻ gỗ 2 người kéo bằng phương pháp thủ công.

19. Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tỉa cành trên cao bằng phương pháp thủ công.

20. Vận xuất gỗ lớn, xeo bản, bóc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.

21. Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.

22. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.

23. Lái máy kéo nông nghiệp.

24. Các công việc khai thác phân dơi; khai thác tổ yến tự nhiên ngoài đảo.

25. Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.

26. Vận hành các máy bào trong nghề gỗ (trừ máy cầm tay).

27. Trực tiếp nuôi, huấn luyện thú dữ hoặc động vật có nọc độc.

4. Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 30°.

5. Các công việc ở trong hố sâu hơn 5m.

6. Làm việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.

28. Sơ chế tre, nứa, mây và cói, nếu có sử dụng hóa chất độc hại.
29. Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.
30. Công việc phải làm một mình trên đường sắt, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m.
31. Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt.
32. Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm³ trở lên.
33. Móc buộc tải trọng cho cầu trục, cần trục, cổng trục, palăng điện.
34. Khảo sát đường sông.
35. Các công việc trên tàu đi biển, trừ trường hợp đủ 16 tuổi trở lên.
36. Lắp đặt giàn khoan.
37. Làm việc ở giàn khoan trên biển.
38. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triền đê.
39. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
40. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn.
41. Cán ép tấm da lớn, cứng.
42. Tráng paraffin trong bể rượu.
43. Lưu hoá, hình thành, bóc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lớp ô tô.
44. Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu.
45. Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.
46. Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/h.

47. Các công việc đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy phải mang vác, gá đặt vật gia công có trọng lượng từ 20kg trở lên.

48. Vận hành lò đốt rác và xử lý nước thải.

49. Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.

50. Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong công ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.

51. Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện thông tin.

52. Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp.

53. Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700 V trong trường hợp dòng điện một chiều; trên 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện đó.

54. Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm radar, trạm vệ tinh viễn thông,... bị ảnh hưởng bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

55. Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hóa chất.

56. Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenol, vận hành nồi đa tụ keo phenol.

57. Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen:

57.1. Hóa chất: 5 Fluoro- uracil;

57.2. Hóa chất: Benzen.

58. Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất, hợp chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng):

- 58.1. Estrogen;
- 58.2. Axít cis-retinoic;
- 58.3. Cacbaryl;
- 58.4. Dibromuaclo propan (DBCP);
- 58.5. Toluendiamin và dinitrotoluen;
- 58.6. Polyclorin biphenyl (PCBs);
- 58.7. Polybromua biphenyl (PBBs).

59. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm các khâu: sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây:

- 59.1. Hóa chất: 1,4 butanediol, dimetansunfonat;
- 59.2. Hóa chất: 4 aminnobiphenyl;
- 59.3. Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crocidolit;
- 59.4. Asen (hay thạch tín), canxi asenat;
- 59.5. Dioxin;
- 59.6. Diclorometyl-ete;
- 59.7. Các loại muối cromat không tan;
- 59.8. Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá;
- 59.9. Xyclophotphamit;
- 59.10. Diethylstilboestol;
- 59.11. Hóa chất: 2, Naphtylamin;
- 59.12. Hóa chất: N, N - di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin;
- 59.13. Thori dioxyt;
- 59.14. Theosufan;
- 59.15. Vinyl clorua, vinyl clorid;

- 59.16. Hóa chất: 4- amino, 10- metyl flolic axít;
- 59.17. Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua;
- 59.18. Nito pentoxyt;
- 59.19. Hóa chất: 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan;
- 59.20. Hóa chất: 2- alphaphenyl-beta axetyletyl;
- 59.21. Axetyl salixylic axít;
- 59.22. Asparagin;
- 59.23. Benomyl;
- 59.24. Boric axít;
- 59.25. Cafein;
- 59.26. Dimetyl sunfoxit;
- 59.27. Direct blue-1;
- 59.28. Focmamid;
- 59.29. Hydrocortison, Hydrocortission axetat;
- 59.30. Iod (kim loại);
- 59.31. Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng son, mực in có chứa chì, sản xuất ắc quy, hàn chì);
- 59.32. Mercapto, purin;
- 59.33. Kali bromua, kali iodua;
- 59.34. Propyl- thio- uracil;
- 59.35. Ribavirin;
- 59.36. Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat;
- 59.37. Tetrametyl thiuram disunfua;
- 59.38. Trameinnolon axetonit;
- 59.39. Triton WR-1339;

- 59.40. Trypan blue;
- 59.41. Valproic axít;
- 59.42. Vincristin sunfat;
- 59.43. Khí dụng Vinazol.

60. Tiếp xúc thường xuyên với các hoá chất sau đây

- 60.1. Oxit cacbon (CO): trong vận hành lò tạo khí than, thải xỉ;
- 60.2. Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin;
- 60.3. Các hợp chất có gốc xianua (-CN-);
- 60.4. Phốt pho và các hợp chất P_2O_5 , P_2S_5 , PCl_3 , H_3P ;
- 60.5. Trinitro toluen (TNT);
- 60.6. Mangan dioxit (MnO_2);
- 60.7. Photgein ($COCl_2$);
- 60.8. Disunfua cacbon (CS_2);
- 60.9. Oxit nitơ và axít nitric;
- 60.10. Anhydrit sunfuric và axít sunfuric;
- 60.11. Đất đèn (CaC_2) như vận hành lò đất đèn dạng hờ, thải xỉ.

61. Làm việc trong thùng chìm.

62. Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bắn hơi thổi.

63. Sản xuất photpho vàng.

64. Mở tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mộ mả, các công việc trong nhà xác.

65. Nhật hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.

66. Công việc tiếp xúc với hơi thuốc gây mê hàng ngày, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, khoa chống nhiễm

khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn ở khoa lây của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.

67. Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo.

68. Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên:

Tuổi của lao động chưa thành niên	Công việc không thường xuyên (kg)		Công việc thường xuyên (kg)	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	≥ 15	≥ 12	≥ 10	≥ 8
Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	≥ 30	≥ 25	≥ 20	≥ 15

69. Phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì.

4.3. Các hình thức xử lý vi phạm về sử dụng lao động trẻ em theo pháp luật Việt Nam

- Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, có hiệu lực từ 01/01/2018 (trong tài liệu này viết tắt là Bộ luật Hình sự 2015).

Điều 296. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi " của Bộ Luật hình sự 2015.

1. Người nào sử dụng người lao động dưới 16 tuổi làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa

được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Làm chết người;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”.

- Nghị định 28/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 28. “Vi phạm quy định về lao động chưa thành niên” của Nghị định 28/2020/NĐ-CP.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi không lập sổ theo dõi riêng hoặc có lập sổ theo dõi riêng nhưng không ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 162 Bộ luật Lao động khi sử dụng lao động chưa thành niên hoặc không xuất trình sổ theo dõi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có

một trong các hành vi sau đây:

- a) Sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi mà không ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người đại diện theo pháp luật của người đó hoặc không được sự đồng ý của người từ đủ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi;
- b) Sử dụng lao động chưa thành niên làm việc quá thời giờ làm việc quy định tại khoản 2 Điều 163 của Bộ luật Lao động;
- c) Sử dụng người dưới 15 tuổi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm;
- d) Sử dụng người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi làm thêm giờ hoặc làm việc vào ban đêm, trừ một số nghề, công việc được pháp luật cho phép.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:

- a) Sử dụng lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc chỗ làm việc, công việc, ảnh hưởng xấu đến nhân cách của họ theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Y tế ban hành hoặc sử dụng lao động là người chưa thành niên làm công việc, nơi làm việc bị cấm sử dụng theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Lao động mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Sử dụng người từ 13 tuổi đến dưới 15 tuổi làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 164 của Bộ luật Lao động;
- c) Sử dụng người dưới 13 tuổi làm công việc ngoài danh mục được pháp luật cho phép theo quy định tại khoản 3 Điều 164 của Bộ luật Lao động.

4.4. Danh sách các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội trên toàn quốc

1. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hà Giang

- Địa chỉ: Tổ 8, phường Quang Trung, TP Hà Giang
- Điện thoại: 02193810480
- Người đại diện: Vũ Như Chung

2. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Lào Cai

- Địa chỉ: Tổ 3, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai
- Điện thoại: 1800 1136
- Email: ttctxh-sldtbxh@laocai.gov.vn

3. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hòa Bình

- Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại: 02183842236
- Đại diện pháp lý: Đỗ Văn Chiến

4. Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em Hà Nội

a. Trụ sở chính: Số 45 Bà Triệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, số điện thoại: 0243.35525651

b. Cơ sở 2: thôn Đồng Dầu, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội. số điện thoại: 0243.9613113

5. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hải Phòng

- Địa chỉ: 60 Nguyễn Văn Hới, phường Cát Bi, quận Hải An, TP Hải Phòng
- Điện thoại: 0313.700799
- Người đại diện: Nguyễn Thị Tâm

6. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ninh

- Địa chỉ: Số 35A Điện Biên Phủ, phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0203.3513130
- Người đại diện: Nguyễn Văn Hòa

7. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

- Địa chỉ: Hoàng Hoa Thám, phường Đồng Tâm, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: 1800 585898
- <http://congtacxahoivinhphuc.vn/>

8. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hà Nam

- Địa chỉ: Quốc lộ 21A, xã Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm, Hà Nam
- Điện thoại: 0914 295 050 (chị Hồng)
- Người phụ trách: Nguyễn Quang Huy

9. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Thanh Hóa

- Địa chỉ: 313Đ, Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 0237 3961 739
- Người đại diện: Trương Hải Dương

10. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ: Xóm Trần Phú, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại:
- Người phụ trách: Lê Trung Thực

11. Trung tâm cung cấp Dịch vụ Công tác xã hội Đà Nẵng

- Địa chỉ: 64 Đồng Đa, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
- Điện thoại:
- Người đại diện: Nguyễn Văn Châu

12. Trung tâm cung cấp Dịch vụ Công tác xã hội tỉnh Quảng Nam

- Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt, phường An Mỹ, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: 1235 3829609
- Người đại diện: Võ Văn Kiến

13. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi

- Địa chỉ: phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: 02553 824823
- Người phụ trách: Nguyễn Thu Trang

14. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Phú Yên

- Địa chỉ: 54 Nguyễn Thái Học, phường 5, Tuy Hòa, Phú Yên
- Điện thoại: 0257 3890000
- Đại diện pháp luật: Huỳnh Phạm Ái Thi

15. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Ninh Thuận

a. Trung tâm Công tác xã hội cơ sở 1

- Địa chỉ: 33 Cao Bá Quát, phường Thanh Sơn, Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Thuận
- Điện thoại: 0683 822956
- Người đại diện: Trần Đức Long

b. Trung tâm Công tác xã hội cơ sở 2

- Địa chỉ: 79 Ngô Gia Tự, Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Thuận

- Điện thoại: 0683 822956

- Người đại diện: Trần Đức Long

16. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh TP Hồ Chí Minh

a. Trung tâm Công tác xã hội Thanh niên

- Địa chỉ: 05 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 0838 239735/Hotline: 0913 338 332/0908 657882

- www.congtacxahoi.vn

b. Trung tâm Công tác xã hội Ánh Dương

- Địa chỉ: 71 Võ Thị Sáu, phường 6, Quận 3. TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 02838 209426/ Điện thoại tư vấn: 02838 208470

- Người phụ trách: Lưu Mỹ TRinh

17. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ: KP5, phường Tân hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại: 012513892185

- Người đại diện: Nguyễn Huỳnh Nhật Giang

18. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

- Địa chỉ: Số 120 Nguyễn Văn Hưởng, phường Long Tâm, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0643 829366

- Người đại diện: Nguyễn Thị Liên

19. Trung tâm Công tác xã hội Long An

- Địa chỉ: Ấp 2, xã Bình Tâm, TP. Long An, tỉnh Long An

- Điện thoại: 0723 829 573

- Người phụ trách: Huỳnh Ngọc Dũng

20. Trung tâm Công tác xã hội Tiền Giang

- Địa chỉ: Ấp Phong Thuận B, xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733 650121
- Người đại diện: Lê Văn Bé Chín

21. Trung tâm Cung cấp dịch vụ Công tác xã hội, tỉnh Bến Tre

- Địa chỉ: Số 94 đường Hùng Vương, phường 2, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 0275 6250 9999
- Đại diện pháp luật: Trần Thị Thanh Lam

22. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Vĩnh Long

- Địa chỉ: Ấp Phước Yên B, xã Phú Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: 02703 811878
- Người đại diện: Nguyễn Văn Châu/điện thoại: 0948 137 151

23. Trung tâm Công tác xã hội thành phố Cần Thơ

- Địa chỉ: 251/1 đường Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.
- Điện thoại: 02992 3838901
- Đại diện pháp luật: Hồ Thanh Hải

24. Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hậu Giang

- Địa chỉ: ấp 2, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại: 12033 962277
- Người đại diện: Lê Văn Cao

25. Trung tâm Công tác xã hội Bảo vệ trẻ em tỉnh An Giang

- Địa chỉ: 65 Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại: 0296 3989 707
- Người đại diện: Nguyễn Văn Nguyễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Anh (2021), *Góc nhìn Đại biểu: Giải quyết vấn đề lạm dụng sức lao động trẻ em cần sự tham gia chủ động, tích cực của toàn xã hội*.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, ILO (2012), *Điều tra Quốc gia về Lao động trẻ em năm 2012 (NCLS)*.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, ILO (2018), *Điều tra Quốc gia về Lao động trẻ em năm 2018 (NCLS)*.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ILO, *Tài liệu tập huấn về phòng ngừa, giảm thiểu Lao động trẻ em*.
5. Bộ luật số 45/2019/QH14, ngày 20/11/2019, *Bộ luật Lao động (2019)*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014, Ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018a), *Chương trình Giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể (Ban hành theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo)*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018b), *Chương trình Giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp (Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học*.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 31/TT-BGDĐT, ngày 18/12/2017, Thông tư Hướng dẫn thực hiện Công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong Trường phổ thông*.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 33/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018, Thông tư Hướng dẫn Công tác xã hội trong Trường học*.
12. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2020), *Thông tư số 09/TT-BLao động - Thương binh và Xã hội, ngày 12/11/2020, Thông tư Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về Lao động chưa thành niên*.
13. Chính phủ (2017), *Nghị định 56/2017/NĐ-CP, ngày 09/5/2017, Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em*.
14. Chính phủ (2020), *Nghị định 28/2020/NĐ-CP, ngày 01/3/2020, Quy định xử phạt hành chính lĩnh vực Lao động, Bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm*

việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.

15. Bùi Thùy Dương (2020), *Phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
16. Trần Thị Minh Đức (2009), *Giáo trình tham vấn tâm lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Dương Thu Hương (2018), *Trợ giúp lao động trẻ em và vai trò của nhân viên công tác xã hội*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
18. Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
19. ILO (1973), *Công ước số 138 về tuổi lao động tối thiểu*.
20. ILO (1999), *Công ước số 182 của ILO về xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất*.
21. Bùi Thị Xuân Mai (2019), *Giáo trình tham vấn*, Nxb Lao động.
22. Quốc hội (2015), *Luật số 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015, Bộ luật Hình sự*.
23. Quốc hội (2017), *Luật số 12/2017/QH14, ngày 20/6/2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*.
24. Quốc hội (2016), *Luật số 10/2016/QH13, ngày 05/4/2016, Luật Trẻ em*.
25. Quốc hội (2013), *Luật số 38/2013/QH13, ngày 16/11/2013, Luật Việc làm*.
26. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 28/11/2013*.
27. Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2020), *Hướng dẫn phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em dành cho doanh nghiệp*.
28. Phạm Văn Tư (chủ biên) (2019), *Tham vấn Trường học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
29. Đinh Thị Kim Thoa - Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Trần Văn Tính (2009), *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
30. Đinh Thị Kim Thoa - Bùi Ngọc Diệp - Lê Thái Hưng - Lại Thị Yến Ngọc - Trần Thị Quỳnh Trang - Lê Thế Tinh (2019), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB Đại học Sư phạm.
31. Đinh Thị Kim Thoa - Nguyễn Thị Bích Liên - Vũ Phương Liên - Lại Thị Yến Ngọc - Trần Thị Quỳnh Trang (2019), *Tài liệu tìm hiểu Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm Hướng nghiệp (Trong Chương trình Giáo dục phổ thông*

2018), Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.

32. USAID, WWO, ULSA2 (2012), *Quản lý ca trong thực hành Công tác xã hội với trẻ em.*

33. UNICEF (1989), *Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em*